

TỜ TRÌNH

Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, giai đoạn ổn định ngân sách mới được quy định từ năm 2017 - 2020. Để phù hợp với quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội; UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố Đề án định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 như sau:

A/ Kết quả thực hiện định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2011-2015:

I/ Định mức phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

I.1. Kết quả đạt được:

1. Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư cho các quận huyện được xác định trên cơ sở lĩnh vực phân cấp quản lý cho mỗi cấp theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 và số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố.

2. Việc phân cấp chi đầu tư XD CB làm tăng tính chủ động, tích cực của chính quyền địa phương trong công tác quản lý và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: chủ động trong việc xác định, phân bổ và sử dụng nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo phân cấp, đảm bảo cho cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Định mức phân bổ chi đầu tư XD CB được xác định cụ thể, có tiêu chí rõ ràng, cơ bản bao quát đầy đủ các lĩnh vực và phù hợp với thực tiễn; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

4. Cơ chế phân cấp đã khuyến khích các địa phương chăm lo nuôi dưỡng nguồn thu, đồng thời phấn đấu tăng thu ngân sách để có nguồn chi.

5. Phân bổ ngân sách đã hợp lý hơn, sử dụng ngân sách của các cấp ngày càng hiệu quả.

I.2. Tồn tại, hạn chế:

1. Chưa khuyến khích các đơn vị có thu cao vì một số đơn vị quận có thu cao song định mức phân bổ cho giai đoạn 2011 - 2016 lại thấp so với những đơn vị có mức thu rất thấp.

2. Việc xác định mức điểm cho các tiêu chí còn chung chung dẫn đến mức điểm phân bổ cho các đơn vị chưa thể hiện được sự phân biệt rõ ràng về lợi thế và hạn chế của mỗi địa phương.

3. Việc phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản đã tạo ra cơ hội cho các huyện, thị xã, tuy nhiên còn tình trạng các huyện trông chờ nguồn phân cấp, chưa chủ động huy động các nguồn lực cho đầu tư. Ngoài ra, việc phân cấp chi đầu tư chưa thực sự phù hợp giữa các địa phương có sự khác nhau về quy mô diện tích, dân số, số đơn vị hành chính, số thu nội địa, số lượng, khối lượng công trình cần đầu tư...

II/ Định mức phân bổ chi thường xuyên:

II.1. Kết quả đạt được:

1. Định mức phân bổ ngân sách đã cụ thể hóa định mức phân bổ ngân sách của Trung ương, trên cơ sở kế thừa kết quả đạt được của những định mức phân bổ ngân sách đã có trước đây của Thành phố và các yếu tố tác động đến chi ngân sách của các đơn vị (tăng lương, điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách mới của Trung ương và Thành phố ban hành chưa được cấu thành trong giai đoạn trước).

2. Định mức được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

3. Định mức phân bổ ngân sách là căn cứ để lập và giao dự toán chi thường xuyên hàng năm đối với các đơn vị dự toán thuộc các cấp ngân sách địa phương. Đảm bảo mức chi cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của Thành phố, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015 và năm 2016 của Thành phố.

4. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp; khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế xã hội. Định mức phân bổ dự toán là cơ sở để thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

II.2. Tồn tại, hạn chế:

1. Định mức phân bổ được xây dựng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2011-2015 nhưng chưa có điều kiện để thực hiện điều chỉnh tăng thêm theo tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm (Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, việc trình bổ sung thêm 7% định mức chi khác mới chỉ được thực hiện trong năm 2012 và năm 2013 nhằm hỗ trợ các cơ quan tháo gỡ những khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế). Các đơn vị đã phải chủ động cân đối, thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản kinh phí để đảm bảo hoạt động thường xuyên cũng như thực hiện các nhiệm vụ chi.

2. Các chế độ, chính sách mới được Trung ương và Thành phố ban hành trong thời kỳ ổn định ngân sách, chưa được bổ sung trong định mức phân bổ, ngân sách Thành phố phải bổ sung kinh phí chi nghiệp vụ ngoài định mức hoặc đơn vị phải thực hiện cân đối trong dự toán đã giao để thực hiện.

3. Việc thực hiện nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu trong một số lĩnh vực đến nay cơ bản đã không còn phù hợp khi Nhà nước thực hiện tăng lương tối thiểu (giai đoạn 2011 - 2015 là 58%, đến năm 2016 là: 65,7%).

4. Chi phí hoạt động bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập: được áp dụng định mức chi khác của đơn vị hành chính. Nay, theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, các đơn vị chuyển sang thực hiện theo cơ chế tự chủ.

B/ Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020:

I/ Nguyên tắc xây dựng định mức:

I.1. Định mức phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

1. Đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố; trên cơ sở phát huy và khắc phục những tồn tại của giai đoạn trước.

2. Đảm bảo sự tương quan hợp lý giữa các quận, huyện và thị xã để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các quận, huyện và thị xã.

3. Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

4. Bảo đảm mức vốn kế hoạch của mỗi quận, huyện không thấp hơn so với giai đoạn trước và đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển. Khắc phục sự bất cập, phân bổ vốn chưa hợp lý giữa các đơn vị trong giai đoạn trước; ưu tiên các huyện nghèo còn nhiều xã chưa hoàn thành xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với những đơn vị sau khi tính toán có mức kế hoạch thấp hơn năm 2016 thì sẽ áp dụng nguyên tắc điều chỉnh tăng từ 1,1-1,2 lần so với kế hoạch năm 2016 theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo việc chuẩn xác lại hệ số điều chỉnh tăng, giảm so với giai đoạn gốc trước nếu trước đây phân bổ vốn chưa hợp lý (quá cao, hoặc quá thấp).

6. Việc giảm bớt số vốn của các đơn vị có số thu cao để điều tiết cho các đơn vị có số thu thấp cần đảm bảo nguyên tắc: số vốn phân cấp còn lại năm 2017 không thấp hơn số vốn của đơn vị được bổ sung đạt mức cao nhất, không thấp hơn 10% so với năm trước.

I.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên:

1. Đảm bảo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, phù hợp với quy định phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách Thành phố giai đoạn 2017-2020.

2. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2017 - 2020 của Thành phố; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng theo quy định của Trung ương (giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; y tế) và vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc khó khăn.

3. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chi không thật sự cần thiết, khuyến khích các cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động và góp phần tăng thu nhập cho người lao động, từ đó từng bước cơ cấu lại ngân sách theo lộ trình phù hợp.

4. Cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; đẩy nhanh tiến độ đổi mới khu vực sự nghiệp công gắn với lộ trình điều chỉnh giá, phí để tính đủ chi phí, từ đó cơ cấu lại ngân sách theo hướng giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

6. Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, trong đó có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế. Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách mới ban hành trong giai đoạn 2011-2016; đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của Chính phủ (mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/người/tháng).

7. Bổ sung tỷ lệ tăng định mức phân bổ giai đoạn mới so với định mức giai đoạn 2011-2015 dựa trên tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng theo 02 mức:

- Một là, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng của năm 2015 so với năm 2011 là 21,8% được áp dụng để xây dựng các định mức phân bổ theo tiêu chí dân số để tạo nguồn thực hiện nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

- Hai là, tốc độ tăng bình quân của chỉ số giá tiêu dùng trong giai đoạn 2011-2015 là 5,5% được áp dụng để xây dựng các định mức phân bổ theo các tiêu chí còn lại cho các đơn vị dự toán.

II/ Nội dung định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 :

II.1. Định mức phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

1. Đối với cấp Thành phố:

Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được xây dựng căn cứ theo các nhiệm vụ chi đầu tư Thành phố, đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội hàng năm và 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Luật Đầu tư công, tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư theo quy định.

2. Đối với cấp huyện:

Căn cứ các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các tỉnh, thành phố theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất áp dụng 04 nhóm tiêu chí của Trung ương (gồm các tiêu chí: dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp xã) để tính số điểm của từng quận, huyện, thị xã và tổng số điểm của 30 quận, huyện, thị xã làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối.

II.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên:

1. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố và cấp huyện:

1.1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

Định mức phân bổ được xây dựng theo chỉ tiêu biên chế của các đơn vị, trong đó được phân làm 3 nhóm, bao gồm: các cơ quan hành chính; các tổ chức chính trị xã hội và các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung. Đối với các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung, ngoài các yếu tố được xác định theo phương pháp xây dựng định mức cho các cơ quan hành chính và tổ chức chính trị xã hội, định mức được tính bổ sung các chi phí phục vụ hoạt động điều hành chung của các cơ quan do đặc thù về phạm vi và tính chất công việc.

1.2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a. Đối với khối giáo dục:

Định mức phân bổ được xây dựng theo tiêu chí học sinh, đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản theo lương và chi khác. Mức chi khác được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

b. Đối với khối đào tạo và dạy nghề:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: đối với cấp Thành phố, dự toán kinh phí được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Thành phố và các chế độ chi hiện hành; đối với cấp quận, huyện, thị xã: phân bổ theo tiêu chí dân số.

c. Đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo chung: Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức giai đoạn 2011-2015, tính bằng 1,5% tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo.

1.3. Chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:

a. Đối với các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa:

Xây dựng định mức phân bổ theo tiêu chí giường bệnh, trong đó: năm 2017, định mức bao gồm chi phí quản lý chưa được cấu thành vào giá dịch vụ y tế (riêng đối với Bệnh viện Thận Hà Nội, xây dựng định mức phân bổ theo 2 tiêu chí: tiêu chí giường bệnh và tiêu chí ca chạy thận nhân tạo); giai đoạn 2018 – 2020, các

đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo phân loại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

b. Đối với các bệnh viện đặc thù (bao gồm: các Bệnh viện tâm thần và khu điều trị phong Quốc Oai; Bệnh viện 09; Bệnh viện phục hồi chức năng):

Xác định tiêu chí và phương thức xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm cho từng bệnh viện, đảm bảo phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (riêng Bệnh viện 09 và Bệnh viện phục hồi chức năng xây dựng thêm định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí giường bệnh).

c. Đối với Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội; các Trung tâm chuyên khoa (không có giường bệnh), Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (bao gồm phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh và trạm y tế xã, phường, thị trấn); Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình: Thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

d. Đối với các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình: Xây dựng định mức theo tiêu chí dân số.

e. Mức chi khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý (đối tượng B) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 604-QĐ/TU ngày 24/2/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về điều chỉnh kinh phí hỗ trợ tiền thuốc trong khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý.

1.4. Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch:

Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa và thể thao được xây dựng theo tiêu chí dân số, riêng chi các hoạt động thể thao thành tích cao tính theo chế độ chi và đối tượng thực tế. Định mức phân bổ chi sự nghiệp du lịch: đối với cấp Thành phố tính theo Chương trình phát triển du lịch hàng năm; đối với cấp huyện: tính theo tiêu chí dân số.

1.5. Chi sự nghiệp thông tin và truyền thông:

Dự toán chi được xây dựng hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ chi, định mức, đơn giá theo quy định hiện hành.

1.6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:

- Đối với cấp Thành phố: Xây dựng dự toán kinh phí đặt hàng hàng năm của Thành phố với Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội để thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

- Đối với cấp huyện: định mức phân bổ kế thừa giai đoạn 2011-2015, xây dựng theo tiêu chí đài phát thanh huyện.

1.7. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Định mức phân bổ kinh phí đảm bảo xã hội và các hoạt động xã hội được tính trên cơ sở số đối tượng thực tế và chế độ chi theo các quy định hiện hành. Riêng định mức phân bổ kinh phí các hoạt động xã hội và chi cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em cấp huyện được tính theo tiêu chí dân số.

1.8. Chi quốc phòng, an ninh:

Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp Thành phố hàng năm được xây dựng căn cứ theo nhiệm vụ chi của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách; đối với cấp huyện, định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số.

1.9. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ được bố trí theo chỉ tiêu Trung ương giao và các nhiệm vụ chi hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố.

1.10. Chi sự nghiệp kinh tế:

- Đối với cấp Thành phố: Dự toán chi hàng năm được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ chi, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá theo quy định hiện hành.

- Đối với cấp huyện: kế thừa cách tính định mức giai đoạn 2011-2015, xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 9 lĩnh vực.

1.11. Chi sự nghiệp môi trường:

- Đối với cấp Thành phố: Dự toán chi được xây dựng đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo phân cấp hạ tầng, quản lý kinh tế xã hội của Thành phố và Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với cấp huyện: Đối với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, định mức phân bổ được xác định trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được giao quản lý, duy trì, đơn giá do UBND Thành phố ban hành và kết quả đấu thầu tập trung lĩnh vực vệ sinh môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường khác, định mức phân bổ tính theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Luật Bảo vệ môi trường.

1.12. Chi thường xuyên khác của ngân sách:

Đối với cấp Thành phố: dự toán chi xây dựng căn cứ vào chế độ quy định, khả năng cân đối ngân sách và nhiệm vụ cụ thể Thành phố giao. Đối với cấp huyện: kế thừa cách tính định mức giai đoạn 2011-2015, xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 9 lĩnh vực.

1.13. Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất thành phố giao; chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định; chi sửa chữa vừa và lớn cơ sở vật chất:

- Chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định; chi sửa chữa vừa và lớn cơ sở vật chất: đối với cấp Thành phố, dự toán được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, dự án được duyệt, nhu cầu thực tế của đơn vị và khả năng cân đối ngân sách; đối với cấp huyện: kế thừa cách tính định mức giai đoạn 2011-2015, xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 8 lĩnh vực.

- Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất của các đơn vị cấp Thành phố: được bố trí dự toán theo khối lượng nhiệm vụ được giao và chế độ chi hiện hành.

1.14. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số

43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Đối với các đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị hành chính.

2. Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã:

Thực hiện cơ chế khoán chi và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND cấp xã theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính - Nội vụ; đề xuất xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã dự kiến gồm 02 phần:

- Định mức khoán chi thường xuyên ngân sách cấp xã: áp dụng cho các cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách thuộc các cơ quan: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; các bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã; Văn phòng Đảng ủy cấp xã và các Chi Bộ trực thuộc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã (không khoán chi): dùng để tạo nguồn chi hoạt động thường xuyên các lĩnh vực hoạt động sự nghiệp, đảm bảo xã hội và quốc phòng, an ninh ở cơ sở (xã, thôn, tổ dân phố) theo nội dung phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã (giai đoạn 2017-2020).

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018), định mức tính phân bổ nêu trên được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND quyết định theo khả năng cân đối ngân sách các cấp.

(Chi tiết theo Đề án Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Báo cáo đánh giá tác động và Bảng tổng hợp các ý kiến tham gia đính kèm)

Trên đây là báo cáo của UBND Thành phố về các nội dung cơ bản của Đề án Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê chuẩn./. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KT&NS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP_{T.V.Đũng}, KT, TKBT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *CC*
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2016

ĐỀ ÁN
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 và Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015. Trên cơ sở định mức phân bổ của Trung ương, căn cứ vào tình hình đặc điểm, khả năng cân đối ngân sách và phân cấp quản lý ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2011-2015, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố và ban hành Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 về định mức phân bổ dự toán chi ngân sách thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015.

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, giai đoạn ổn định ngân sách mới được quy định từ năm 2017 - 2020. Để phù hợp với quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội; UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố Đề án định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 như sau:

PHẦN I: ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

A/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. Kết quả đạt được:

1. Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư cho các quận huyện được xác định trên cơ sở lĩnh vực phân cấp quản lý cho mỗi cấp theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 và số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố.

2. Việc phân cấp chi đầu tư XD CB làm tăng tính chủ động, tích cực của chính quyền địa phương trong công tác quản lý và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động trong việc xác định, phân bổ và sử dụng nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo phân cấp, đảm bảo cho cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Định mức phân bổ chi đầu tư XD CB được xác định cụ thể, có tiêu chí rõ ràng, cơ bản bao quát đầy đủ các lĩnh vực và phù hợp với thực tiễn; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

4. Cơ chế phân cấp đã khuyến khích các địa phương chăm lo nuôi dưỡng nguồn thu, đồng thời phấn đấu tăng thu ngân sách để có nguồn chi.

5. Phân bổ ngân sách đã hợp lý hơn, sử dụng ngân sách của các cấp ngày càng hiệu quả.

II. Tồn tại, hạn chế:

1. Chưa khuyến khích các đơn vị có thu cao vì một số đơn vị quận có thu cao song định mức phân bổ cho giai đoạn 2011 – 2016 lại thấp (Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm,...) so với những đơn vị có mức thu rất thấp (Phủ Xuyên, Phúc Thọ, Ứng Hòa,...).

2. Việc xác định mức điểm cho các tiêu chí còn chung chung dẫn đến mức điểm phân bổ cho các đơn vị chưa thể hiện được sự phân biệt rõ ràng về lợi thế và hạn chế của mỗi địa phương.

3. Việc phân cấp chi đầu tư chưa thực sự phù hợp giữa các địa phương có quy mô diện tích, dân số, số đơn vị hành chính, số thu nội địa, số lượng, khối lượng công trình cần đầu tư... khác nhau, (như còn chênh lệch chưa hợp lý giữa huyện Thanh Oai với huyện Chương Mỹ, Ứng Hòa và các huyện khác trong phân bổ vốn đầu tư).

4. Việc phân cấp chi đầu tư XDCB đã tạo ra cơ hội cho các huyện, thị xã, tuy nhiên tạo ra việc các huyện còn trông chờ từ nguồn phân cấp, chưa chủ động huy động các nguồn lực cho đầu tư.

B/ XÂY DỰNG NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB PHÂN CẤP CHO CÁC QUẬN HUYỆN:

I. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2016 - 2020:

1. Đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố; trên cơ sở phát huy và khắc phục những tồn của giai đoạn trước.

2. Đảm bảo sự tương quan hợp lý giữa các quận, huyện và thị xã để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các quận, huyện và thị xã.

3. Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

4. Bảo đảm mức vốn kế hoạch của mỗi quận, huyện không thấp hơn so với giai đoạn trước và đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển. Khắc phục sự bất cập, phân bổ vốn chưa hợp lý giữa các đơn vị trong giai đoạn trước; ưu tiên các huyện nghèo còn nhiều xã chưa hoàn thành xây dựng nông thôn mới.

5. Đối với những đơn vị sau khi tính toán có mức kế hoạch thấp hơn năm 2016 thì sẽ áp dụng nguyên tắc điều chỉnh tăng từ 1,1-1,2 lần so với kế hoạch năm 2016 theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng

Chính phủ và đảm bảo việc chuẩn xác lại hệ số điều chỉnh tăng, giảm so với giai đoạn gốc trước nếu trước đây phân bổ vốn chưa hợp lý (quá cao, hoặc quá thấp).

6. Việc giảm bớt số vốn của các đơn vị có số thu cao để điều tiết cho các đơn vị có số thu thấp cần đảm bảo nguyên tắc: số vốn phân cấp còn lại năm 2017 không thấp hơn số vốn của đơn vị được bổ sung đạt mức cao nhất, không thấp hơn 10% so với năm trước.

II. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển:

1. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư do Trung ương ban hành:

Tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các tỉnh/thành được xác định theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ gồm 5 nhóm tiêu chí:

- Tiêu chí dân số của mỗi tỉnh/thành, gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số;

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương;

- Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên của các địa phương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; vùng cao, hải đảo... của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung tùy đặc điểm của mỗi địa phương.

2. Định mức phân bổ vốn đầu tư cho cấp tỉnh trở thành tiêu chí, định mức Thành phố phân bổ cho cấp huyện:

Do phạm vi áp dụng các tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg nêu trên là áp dụng cho việc phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của quốc gia cho đơn vị hành chính cấp tỉnh, nên cần phải quy đổi tiêu chí, định mức này về đơn vị hành chính nhỏ hơn là cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện. Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất quy đổi như sau:

Trung ương tính cho cấp tỉnh	Thành phố tính cho cấp huyện
1. Tiêu chí dân số (Theo niên giám thống kê năm 2015):	
- Dân số cả nước khoảng 91.300.000 người	- Dân số Hà Nội 7.462.800 người
- Đến 500.000 người được 10 điểm (bậc 1)	- Dân số khởi đầu của mỗi huyện để tính điểm sẽ là: $A = (7.462.800 \times 500.000) / 91.300.000 = 40.870$ người (làm tròn 40.000 người).
- Trên 500.000, cứ tăng thêm 100.000 người được thêm 3 điểm	- Tức là đến 40.000 người được 10 điểm
	- Trên 40.000, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm 3 điểm.

Trung ương tính cho cấp tỉnh	Thành phố tính cho cấp huyện
2. Tiêu chí dân tộc thiểu số (Theo số liệu của Ban dân tộc năm 2015):	
- Số người dân tộc thiểu số cả nước khoảng 13.055.000 người - Cứ 100.000 người được 4 điểm	- Số người dân tộc thiểu số Hà Nội khoảng 46.210 người. - Số người dân tộc thiểu số mỗi huyện khởi đầu tính điểm sẽ là: $B = (46.210 \times 100.000) / 13.055.000 \text{ người} = 354 \text{ người (làm tròn 400).}$ - Tức là cứ 400 người được 4 điểm
3. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo (Theo báo cáo của Sở lao động năm 2015):	
- Theo tiêu chí mới cả nước: khoảng 16% - Cứ 5% hộ nghèo được 3,5 điểm	- Tỷ lệ hộ nghèo Hà Nội: khoảng 4,22 %. - Tỷ lệ hộ nghèo khởi đầu tính điểm sẽ là: $C = (4,22 \times 5) / 16 = 1,31\% \text{ (làm tròn 1,3)}$ - Tức là cứ 1,3% hộ nghèo được 3,5 điểm
4. Thu nội địa (Kế hoạch Thành phố giao năm 2016):	
- Cả nước khoảng 785.000 tỷ đồng - Đến 2.000 tỷ đồng được 3 điểm - Trên 2.000 đến 20.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 4 điểm - Trên 20.000 đến 60.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 6 điểm - Trên 60.000 đến 100.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 9 điểm	- Các quận huyện Hà Nội khoảng 39.990 tỷ đồng - Số thu nội địa khởi đầu tính điểm sẽ là: $D = (39.990 \times 2.000) / 785.000 = 101.9 \text{ tỷ đồng (lấy tròn 100 tỷ đồng).}$ Tức là: - Đến 100 tỷ đồng được 3 điểm - Trên 100 tỷ đến 1000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 4 điểm - Trên 1000 tỷ đến 3000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 6 điểm - Trên 3000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 9 điểm
5. Tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên (Kế hoạch Thành phố năm 2016):	
- Cứ 5% điều tiết về ngân sách trung ương được 2 điểm - Trên 5% đến 20%, cứ 5% điều tiết về ngân sách trung ương được tính thêm 4 điểm - Trên 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách trung ương được tính thêm 8 điểm	- Cứ 5% điều tiết về ngân sách TP được 2 điểm - Trên 5% đến 20%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách TP được tính thêm 4 điểm - Trên 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách Thành phố được tính thêm 8 điểm
6. Diện tích đất tự nhiên (Theo niên giám thống kê năm 2015):	
- Cả nước 331.212 km² - Đến 2.000 km² được 6 điểm - Trên 2.000 km² đến 5.000 km², cứ 1.000 km² tăng thêm được tính thêm 2 điểm - Trên 5.000 km² đến 10.000 km², cứ 1.000 km² tăng thêm được tính thêm 1 điểm - Trên 10.000 km², cứ 1.000 km² tăng thêm được tính thêm 0,5 điểm	- Hà Nội 3.359 km². - Diện tích khởi đầu tính điểm sẽ là: $F = (3.359 \times 2.000) / 331.212 = 20 \text{ Km}^2.$ Tức là: - Đến 20 km² được 6 điểm - Trên 20 km² đến 50 km², cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 2 điểm - Trên 50 km² đến 100 km², cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 1 điểm

Trung ương tính cho cấp tỉnh	Thành phố tính cho cấp huyện
	- Trên 100 km ² , cứ 10 km ² tăng thêm được tính thêm 0,5 điểm
7. Tỷ lệ diện tích đất lúa/tổng diện tích tự nhiên (Theo số liệu quy hoạch đất trồng lúa của Thành phố năm 2014):	
- Đến 20% không được tính điểm - Từ trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 0,5 điểm - Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 1 điểm - Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 2 điểm	Tính theo trung ương - Đến 20% không được tính điểm - Từ trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 0,5 điểm - Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 1 điểm - Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 2 điểm
8. Số đơn vị hành chính:	
- Mỗi huyện được tính 1 điểm	- Mỗi xã được tính 1 điểm
9. Số huyện miền núi:	
- Mỗi huyện miền núi được tính 0,5 điểm	- Mỗi xã miền núi được tính 0,5 điểm

III. Cách tính điểm và phân bổ vốn đầu tư phân cấp cho các quận huyện:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 30 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

1. Điểm của tiêu chí dân số:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số dân và số người dân tộc thiểu số

- Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ i là A_i
- Gọi số điểm của số dân huyện thứ i là h_i .
- Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i.$$

2. Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 03 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo; thu nội địa; tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố

- Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là n_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa huyện thứ i là o_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố là p_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

3. Điểm của tiêu chí diện tích:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: diện tích tự nhiên; tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/ tổng diện tích tự nhiên

- Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i .
- Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i .
- Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/tổng diện tích tự nhiên là r_i .

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = q_i + r_i$$

4. Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã của quận huyện; số đơn vị hành chính xã miền núi của quận huyện

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là D_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i là s_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính xã miền núi của huyện thứ i là t_i .

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + t_i$$

5. Tổng số điểm của quận huyện thứ i :

Gọi tổng số điểm của quận huyện thứ i là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

6. Tổng số điểm của 30 quận, huyện, thị xã là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{30} X_i$$

7. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm thu chuyển quyền sử dụng đất, đấu giá đất).
- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

8. Tổng số vốn đầu tư phân cấp cho từng quận huyện được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư phân cấp cho quận huyện thứ i (không bao gồm thu chuyển quyền sử dụng đất, đấu giá đất), thì:

$$V_i = Z \times X_i$$

PHẦN II: ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN

A/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011- 2015

I. Kết quả đạt được:

1. Định mức phân bổ ngân sách đã cụ thể hóa định mức phân bổ ngân sách của Trung ương, trên cơ sở kế thừa kết quả đạt được của những định mức phân bổ ngân sách đã có trước đây của Thành phố và các yếu tố tác động đến chi ngân sách của các đơn vị (tăng lương, điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách mới của Trung ương và Thành phố ban hành chưa được cấu thành trong giai đoạn trước).

2. Định mức được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; trong đó:

- Định mức phân bổ chi khác quản lý hành chính nhà nước được xây dựng theo tiêu chí biên chế, cơ bản đã bao gồm các khoản chi phát sinh thường xuyên của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể; cùng với việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong việc điều hành chi tiêu, thực hiện các biện pháp tiết kiệm kinh phí tạo nguồn kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Đồng thời, chi hoạt động bộ máy của các đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thì được áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị dự toán khối hành chính, qua đó tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, làm cơ sở giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

- Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo tiêu chí học sinh cơ bản đã đảm bảo tỷ lệ cơ cấu giữa nội dung chi cho con người và chi khác, tạo chủ động cho các đơn vị sử dụng ngân sách có điều kiện đảm bảo hoạt động nghiệp vụ giảng dạy và đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách giữa các cấp học. Chất lượng giáo dục được giữ vững, tỷ lệ phổ cập giáo dục ngày càng nâng cao. Giáo dục chuyên nghiệp có bước phát triển; công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được chú trọng.

- Định mức phân bổ sự nghiệp y tế cơ bản theo tiêu chí giường bệnh đã được tính toán theo quy mô, công suất thiết kế và là căn cứ để xác định định mức biên chế cho cơ sở y tế; định mức giường bệnh được phân theo từng loại hình và từng hạng bệnh viện cơ bản đáp ứng được các tiêu chí đặc thù của từng bệnh viện nhưng vẫn đảm bảo được tính thống nhất giữa các bệnh viện cùng hạng trên phạm vi Thành phố. Kinh phí phân bổ đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác y tế dự phòng, ngăn ngừa dịch bệnh; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ.

- Các định mức phân bổ theo đối tượng, chế độ chi, định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong các lĩnh vực sự nghiệp cơ bản đã đáp ứng nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các nhiệm vụ chi của quận, huyện, xã, phường theo phân cấp; đồng

thời tăng cường tính chủ động, linh hoạt cho các cấp trong xây dựng dự toán cũng như trong quản lý, sử dụng ngân sách.

3. Định mức phân bổ ngân sách là căn cứ để lập và giao dự toán chi thường xuyên hàng năm đối với các đơn vị dự toán thuộc các cấp ngân sách địa phương. Đảm bảo mức chi cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của Thành phố (nhất là sau khi hợp nhất mở rộng địa giới hành chính), góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015 và năm 2016 của Thành phố.

4. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp; khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế xã hội. Định mức phân bổ dự toán là cơ sở để thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

II. Tồn tại, hạn chế:

1. Một số tồn tại, hạn chế chung:

- Định mức phân bổ được xây dựng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2011-2015 nhưng chưa có điều kiện để thực hiện điều chỉnh tăng thêm theo tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm¹ (Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, việc trình bổ sung thêm 7% định mức phân bổ chi khác mới chỉ được thực hiện trong năm 2012 và năm 2013 nhằm hỗ trợ các cơ quan tháo gỡ những khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế). Các đơn vị đã phải chủ động cân đối, thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản kinh phí để đảm bảo hoạt động thường xuyên cũng như thực hiện các nhiệm vụ chi.

- Các chế độ, chính sách mới được Trung ương và Thành phố ban hành trong thời kỳ ổn định ngân sách, chưa được bổ sung trong định mức phân bổ, ngân sách Thành phố phải bổ sung kinh phí chi nghiệp vụ ngoài định mức hoặc đơn vị phải thực hiện cân đối trong dự toán đã giao để thực hiện.

- Việc thực hiện nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu trong một số lĩnh vực đến nay cơ bản đã không còn phù hợp khi Nhà nước thực hiện tăng lương tối thiểu (giai đoạn 2011 - 2015 là 58%, đến năm 2016 là: 65,7%)².

- Chi phí hoạt động bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập: đối với cấp Thành phố được áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp 2 khối hành chính; đối với cấp quận, huyện, thị xã được áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác. Thực hiện quy định của Trung ương, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong giai đoạn 2017-2020 chuyển sang thực hiện theo cơ chế tự chủ tại

¹ Tốc độ tăng chỉ số CPI của Hà Nội năm 2012/2011 là 8,75%, năm 2013/2012 là 6,37%, năm 2014/2013 là 4,75%, năm 2015/2014 là 0,7% (Nguồn Niên giám thống kê).

² Chi sự nghiệp quản lý hành chính là 45%; chi sự nghiệp giáo dục từ 30 – 50%; chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề là 40%

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Định mức phân bổ chi phí hoạt động bộ máy cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong giai đoạn 2017-2020 chỉ được áp dụng đối với các đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên.

2. Một số tồn tại, hạn chế cụ thể:

2.1. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

- Định mức giai đoạn 2011-2015 chia làm 2 nhóm: nhóm các cơ quan hành chính, nhóm các cơ quan điều hành chung và 05 tổ chức chính trị xã hội. Việc phân chia như trên là phù hợp, tuy nhiên qua thực tế cho thấy nhóm các cơ quan điều hành chung (đối với cấp Thành phố là: Các cơ quan của Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; đối với cấp quận, huyện là: Các cơ quan quận, huyện, thị ủy; Văn phòng HĐND, UBND quận, huyện, thị xã và Mặt trận Tổ quốc quận, huyện) phát sinh thêm một số chi phí phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung so với các đơn vị còn lại.

- Việc bố trí kinh phí ngoài định mức để mua sắm trang thiết bị văn phòng phổ biến (bàn ghế, tủ tài liệu, máy vi tính để bàn, điện thoại cố định) phục vụ công tác của cán bộ, công chức, chưa thực hiện khoán chi, trong khi tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nên chưa đảm bảo tính chủ động, chưa khuyến khích đơn vị nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản.

- Việc thực hiện nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu là 45% trong khi tốc độ tăng lương giai đoạn 2011 - 2015 là: 58% (từ mức lương cơ sở 730.000 đồng/người/tháng lên 1.150.000 đồng) đến năm 2016 là: 65,7% (mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/người/tháng) đến nay cơ bản đã không còn phù hợp.

2.2. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a. Đối với cấp học mầm non, phổ thông:

- Việc xác định bù cơ cấu còn bất cập do được xác định theo quỹ lương thực tế, chưa gắn với chỉ tiêu học sinh được giao.

- Trong giai đoạn vừa qua, thực hiện quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành phố đã thực hiện điều chỉnh giảm cơ cấu học sinh/giáo viên, học sinh/lớp so với năm 2011 nên số lượng giáo viên tăng, quỹ lương cho giáo viên tăng, ngân sách phải hỗ trợ bù cơ cấu để đảm bảo chi khác cho công tác giảng dạy.

- Đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, năm 2013, trường tiếp nhận cơ sở mới với quy mô, diện tích trường học, cơ sở vật chất gần tương đương với trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam nên định mức hiện nay chưa thực sự đảm bảo hoạt động chi khác của nhà trường.

b. Đối với hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp:

- Một số các trường cao đẳng và dạy nghề do số tuyển sinh có xu hướng giảm thấp nhưng số lượng giáo viên không thay đổi để đảm bảo tỷ lệ cơ cấu giáo viên trên lớp, bộ môn theo quy định nên khi thực hiện định mức theo nguyên tắc bù cơ cấu theo Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND của UBND Thành phố không

phù hợp, nhất là khi triển khai thực hiện cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp có định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh, Trung tâm dạy nghề có định mức phân bổ theo chỉ tiêu biên chế. Tuy nhiên, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã trên cơ sở sáp nhập 03 Trung tâm này hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập với chức năng đào tạo, dạy nghề và cung cấp một số dịch vụ tư vấn.

- Việc tiếp tục xây dựng định mức phân bổ ngân sách trong giai đoạn 2017-2020 cho các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp trong lĩnh vực đào tạo và dạy nghề là không phù hợp do: Mức thu học phí hiện nay theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND của HĐND Thành phố chưa được xây dựng theo nguyên tắc giá dịch vụ được tính đúng, tính đủ chi phí theo lộ trình của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ³. Đồng thời, các mức thu học phí được ban hành kèm theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cũng chưa xác định cụ thể các yếu tố cấu thành để làm cơ sở xác định phần kinh phí ngân sách phải đảm bảo đối với các yếu tố chưa được cấu thành trong giá.

c. Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng:

Hiện nay, kinh phí phân bổ cho công tác đào tạo bồi dưỡng cấp Thành phố được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được Thành phố phê duyệt. Do đó, việc tiếp tục xây dựng định mức phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chí dân số không còn phù hợp.

2.3. Sự nghiệp y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

- Định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2011-2015 được xây dựng trong điều kiện các văn bản, Thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương quy định mức thu viện phí, chưa tính đúng, tính đủ các chi phí cần thiết phục vụ công tác khám chữa bệnh; không xác định cụ thể các nhóm yếu tố ngân sách phải đảm bảo. Ngày 29/10/2015, Liên Bộ: Y tế - Tài chính đã ban hành Thông tư 37/2015/TTLT BHYT-BTC quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với các cơ sở y tế công lập bao gồm đầy đủ các chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù và tiền lương, phù hợp với lộ trình xây dựng giá dịch vụ công quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ⁴. Do đó, định mức phân bổ ngân sách theo các tiêu chí: giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn tại Quyết định

³ Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ: Trong quá trình áp dụng thực hiện Nghị định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh khung học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục dạy nghề theo hướng có lộ trình xác định tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

⁴ Đến năm 2016: tính đủ các chi phí trực tiếp và các khoản phụ cấp, tiền lương (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định); Đến năm 2018: tính đủ các chi phí trực tiếp; các khoản phụ cấp, tiền lương và chi phí quản lý (chi phí khấu hao tài sản cố định); Đến năm 2020: tính đủ các chi phí trực tiếp; các khoản phụ cấp, tiền lương và chi phí quản lý; chi phí khấu hao tài sản cố định.

55/2010/QĐ-UBND đã không còn phù hợp với thực tế đang triển khai tại các cơ sở y tế công lập.

- Nguyên tắc cho phép Bệnh viện Lao và Phổi (nay là Bệnh viện Phổi Hà Nội) là bệnh viện hạng II được áp dụng định mức của bệnh viện hạng I do bệnh nhân lao là đối tượng được miễn viện phí và tính chất đặc thù trong việc khám chữa bệnh cho bệnh nhân lao phổi đã không còn phù hợp với quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26/2/2016 và quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016⁵.

- Định mức theo lượt khám ngoại trú đối với một số bệnh như: tâm thần, da liễu, lao và định mức khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý (đối tượng B) thực chất là mức chi để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ tiêu được giao. Mức chi khám chữa bệnh cho đối tượng B thực tế được thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy, không thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND. Ngày 24/2/2016, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội ban hành Quyết định số 604-QĐ/TU điều chỉnh kinh phí hỗ trợ tiền thuốc trong khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý. Mức chi khám chữa bệnh cho các đối tượng được quy định hệ số theo mức lương cơ sở và là căn cứ để các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện.

- Theo quy định trong giai đoạn trước đây, định mức phân bổ ngân sách đối với hoạt động chăm sóc trẻ em được bố trí trong sự nghiệp y tế. Tuy nhiên, ngày 02/10/2015, Liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội – Nội vụ đã ban hành Thông tư số 37/2015/TTLT:LĐTBXH-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phòng Lao động Thương binh Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; trong đó, nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc trẻ em là nhiệm vụ của ngành Lao động Thương binh và Xã hội. Vì vậy, việc quy định định mức phân bổ ngân sách đối với hoạt động chăm sóc trẻ em trong sự nghiệp y tế không còn phù hợp.

2.4. Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch:

Do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị thường niên của Thủ đô thời gian qua đã phát triển cả về quy mô hoạt động, số lượng và chất lượng để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Thành phố và nhu cầu giải trí của nhân dân. Do đó, kinh phí phục vụ các nhiệm vụ này tăng lớn so với mức thực hiện thời điểm năm 2011, các đơn vị được giao nhiệm vụ phải chủ động cân đối kinh phí, đồng thời ngân sách Thành phố phải bố trí bổ sung trong dự toán nghiệp vụ của các đơn vị chủ trì thực hiện.

Bên cạnh đó, thực hiện mục tiêu của Chương trình 04/Tr-TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh phong trào toàn dân tập thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất trong nhân dân, quy mô và các nội dung hoạt động thể thao quần chúng ngày càng phát triển, các đơn vị chủ trì triển khai các

⁵ Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26/2/2016 của Bộ Y tế quy định về khám, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám, chữa bệnh lao và Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế.

hoạt động phong trào phải cân đối kinh phí trong định mức được giao và tìm thêm nguồn lực hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Đối với các hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố bao gồm kinh doanh du lịch lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển... do các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch thực hiện. Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch theo quy định của Luật Du lịch⁶. Để đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và hiệu quả của hoạt động quảng bá du lịch, nhiệm vụ này được triển khai theo các Chương trình xúc tiến du lịch được UBND Thành phố phê duyệt hàng năm. Kinh phí do ngân sách cấp Thành phố đảm bảo và được bố trí căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể được giao, không phụ thuộc vào quy mô dân số của Thủ đô. Do đó, định mức phân bổ chi sự nghiệp du lịch cấp Thành phố theo tiêu chí dân số ở cấp Thành phố đã không còn phù với tình hình thực tế hiện nay.

2.5. Sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Đối với các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường khác: Định mức phân bổ giai đoạn 2011-2015 chỉ quy định chi sự nghiệp môi trường các cấp ngân sách được đảm bảo để thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010; tuy nhiên, các nội dung chi cụ thể theo quy định của Thông tư chưa được quy định chi tiết cho các cấp ngân sách nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường khác tại một số đơn vị còn chưa được triển khai đầy đủ. Ngày 23/6/2014, Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội ban hành đã quy định chi tiết, cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp, làm cơ sở để các cấp ngân sách bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

Tỷ lệ bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường không thấp hơn 1% tổng chi cân đối của ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hàng năm được quy định tính trên tổng chi cân đối ngân sách nhà nước của toàn quốc. Do đó, việc quy định tổng kinh phí bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường khác không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách quận, huyện trong giai đoạn hiện nay không còn phù hợp.

2.6. Sự nghiệp kinh tế:

Trong giai đoạn 2011-2015 và năm 2016, có một số thay đổi, điều chỉnh về phân cấp quản lý hạ tầng, kinh tế - xã hội dẫn đến phân cấp nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách có sự thay đổi. Vì vậy, tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 9 lĩnh vực (đối với các quận là 8%, đối với các huyện là 10%, thị xã Sơn Tây là 13%) được sử dụng để xây dựng định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh

⁶ Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch; Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động du lịch; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch; Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài; Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhà nước về du lịch; Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch; Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch.

tế cấp quận, huyện cần phải điều chỉnh để phù hợp với nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý hạ tầng, kinh tế - xã hội mới.

2.7. Định mức chi thường xuyên ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã):

- Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã giai đoạn 2011-2015 được chia thành định mức chi xã riêng và định mức chi phường, thị trấn riêng; trong đó, căn cứ theo mặt bằng chi phí và nhu cầu kinh phí chi hoạt động của từng khu vực, định mức chi phường và thị trấn được xây dựng cao hơn so với định mức chi xã. Hiện nay, việc phân chia như trên không còn phù hợp do nhu cầu chi tại địa bàn các xã đã tăng so với trước để đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới cũng như duy trì các thiết chế văn hóa, đường giao thông nông thôn sau khi hoàn thành các tiêu chí của Chương trình.

- Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã tách riêng phần tiền lương, phụ cấp... (nằm ngoài định mức) là có sự cải tiến, sát với thực tiễn ở cơ sở. Định mức được chia thành các nhóm theo phương thức: xã, phường có dân số ít thì được tính một định mức thấp hơn, còn xã, phường có dân số nhiều thì được tính một định mức cao hơn. Cách xây dựng định mức theo nguyên tắc như trên vẫn còn hạn chế do các xã, phường nhiều hay ít dân đều phải đảm nhiệm khối lượng công việc chính cơ bản như nhau, theo đó nhu cầu kinh phí chi hoạt động cũng phải như nhau.

- Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã chưa phân định rõ định mức chi thuộc nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và các lĩnh vực chi hoạt động sự nghiệp thuộc nhiệm vụ chi ngân sách xã theo quy định phân cấp hạ tầng, kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Định mức chưa đảm bảo điều kiện để cấp xã thực hiện cơ chế tự chủ, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tiết kiệm chi góp phần tăng thu nhập cho cán bộ xã (theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ).

- Từ năm 2010, thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”, đảm bảo “Trật tự văn minh đô thị”, ngân sách cấp xã phát sinh nhiều nhiệm vụ, nhu cầu chi thường xuyên tăng nhưng chưa được tính toán trong định mức.

B/ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2020

I. Nguyên tắc chung:

1. Đảm bảo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, phù hợp với quy định phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách Thành phố giai đoạn 2017-2020.

2. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2017 - 2020 của Thành phố; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng theo quy định của Trung ương (giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; y tế) và vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc khó khăn.

3. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chi không thật sự cần thiết, khuyến khích các cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động và góp phần tăng thu nhập cho người lao động, từ đó từng bước cơ cấu lại ngân sách theo lộ trình phù hợp.

4. Cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; đẩy nhanh tiến độ đổi mới khu vực sự nghiệp công gắn với lộ trình điều chỉnh giá, phí để tính đủ chi phí, từ đó cơ cấu lại ngân sách theo hướng giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

6. Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, trong đó có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế. Bổ sung kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của Chính phủ (mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/người/tháng).

7. Bổ sung tỷ lệ tăng định mức phân bổ giai đoạn mới so với định mức giai đoạn 2011-2015 dựa trên tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng theo 02 mức:

- *Một là*, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng của năm 2015 so với năm 2011 là 21,8%⁷ được áp dụng để xây dựng các định mức phân bổ theo tiêu chí dân số để tạo nguồn thực hiện nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

- *Hai là*, tốc độ tăng bình quân của chỉ số giá tiêu dùng trong giai đoạn 2011-2015 là 5,5% được áp dụng để xây dựng các định mức phân bổ theo các tiêu chí còn lại cho các đơn vị dự toán.

II. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố:

1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

1.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

a. Nguyên tắc chung:

Kế thừa định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2011 – 2015 theo chỉ tiêu biên chế của các đơn vị để đảm bảo tính chặt chẽ, ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách và có điều chỉnh, bổ sung thêm một số khoản chi theo các chế độ, chính sách mới ban hành trong giai đoạn 2011-2016 và tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân giai đoạn 2011-2015, trong đó:

⁷ Theo số liệu do Cục Thống kê Thành phố Hà Nội cung cấp

- Về tiêu chí: Xây dựng định mức phân bổ chi khác theo biên chế⁸ để đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan.

- Về phân nhóm định mức: định mức phân bổ chi khác được phân làm 3 nhóm theo phạm vi và tính chất công việc của các cơ quan như sau:

+ Nhóm các cơ quan hành chính.

+ Nhóm các tổ chức chính trị xã hội, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ và Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Nhóm các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung, gồm: các cơ quan thuộc Thành ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.

- Về phân định các mức áp dụng với nhóm các cơ quan hành chính:

+ Định mức phân bổ chi khác được kế thừa kết quả giai đoạn 2011-2015 và năm 2016, được phân định thành 3 mức theo số lượng biên chế của từng đơn vị và tính theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được giao của từng đơn vị so với quy mô biên chế của bậc đầu tiên là dưới 100 biên chế).

+ Không áp dụng nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu là 45% để khắc phục hạn chế khi mức lương cơ sở điều chỉnh theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ.

b. Nguyên tắc cụ thể:

b.1. Đối với khối các cơ quan hành chính và các tổ chức chính trị - xã hội, định mức phân bổ chi khác giai đoạn 2017 – 2020 được xác định trên cơ sở các yếu tố sau:

- Kế thừa định mức phân bổ chi khác quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 (trong đó, định mức phân bổ cho các tổ chức chính trị xã hội đã được tính bằng 130% định mức phân bổ cho các cơ quan hành chính).

- Tính bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 5,5%.

- Các khoản kinh phí phát sinh do ban hành mới chế độ, chính sách trong giai đoạn 2011 – 2015⁹, gồm: (1) thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; (2) công tác thực hiện cải cách hành chính; (3) bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; (4) bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Bổ sung nội dung khoản kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán

⁸ Theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao hàng năm trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ ngân sách nhà nước tính trên biên chế.

⁹ Được tính bổ sung trong định mức của các cơ quan hành chính nhà nước; Ủy ban MTTQ được tính bổ sung nhiệm vụ chi bồi dưỡng đối với cán bộ công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo.

bộ, công chức theo định mức máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến¹⁰ quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và tỷ lệ hao mòn quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

b.2. Đối với các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung:

Ngoài các yếu tố được xác định theo phương pháp xây dựng định mức cho các cơ quan hành chính và tổ chức chính trị xã hội nêu trên, định mức phân bổ chi khác được tính bổ sung các chi phí phục vụ hoạt động điều hành chung của các cơ quan do đặc thù về phạm vi và tính chất công việc.

1.2. Định mức phân bổ ngân sách:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
I	Cơ quan hành chính			
1	Đơn vị dự toán cấp 1			
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	45.000.000	55.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	44.000.000	54.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	43.000.000	53.000.000
2	Đơn vị dự toán cấp 2			
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	42.000.000	52.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	41.000.000	51.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	40.000.000	50.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội			
1	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	67.000.000
2	Hội Cựu Chiến Binh Thành phố	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	67.000.000
3	Hội Nông dân Thành phố	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	67.000.000

¹⁰ Quy định tại Mục I, II, IV Phần A và Mục I Phần B Phụ lục số 02 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM thành phố Hà Nội	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	67.000.000
III	Cơ quan điều hành chung			
1	Các cơ quan thuộc Thành ủy	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	73.000.000
2	Văn phòng UBND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	73.000.000
3	Văn phòng HĐND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	73.000.000
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Đồng/biên chế /năm	58.500.000	73.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ chi khác đơn vị dự toán cấp I được áp dụng cho Văn phòng các sở, ban, ngành, đoàn thể (được cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hoặc được giao biên chế) thuộc Thành phố.

b. Định mức phân bổ chi khác cho đơn vị dự toán cấp II: Là các cơ quan hành chính trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố.

c. Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Nội vụ hướng dẫn Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

d. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn

thể, hoạt động ban vì sự tiến bộ phụ nữ và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Các khoản kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo định mức quy định; kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí duy tu, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản cố định.

e. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương¹¹

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; mua ô tô, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo các Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm d nêu trên.

f. Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi khác theo định mức của cơ quan hành chính và quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế.

g. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

h. Dự toán chi khác quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

2. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

2.1. Sự nghiệp giáo dục (cấp học phổ thông):

a. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh được quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND.

- Định mức đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản theo lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng và chi khác. Mức chi khác được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác tối thiểu, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

- Định mức phân bổ chi khác được xây dựng trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ chi khác giai đoạn 2011-2015, đồng thời bổ sung các khoản kinh phí thực

¹¹ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế; Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

hiện chế độ, chính sách mới trong giai đoạn 2011-2016¹² và tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân hàng năm.

b. Định mức phân bổ ngân sách (chưa trừ nguồn thu học phí):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức	
				Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
1	Trung học phổ thông ¹³	Đồng/học sinh /năm	4.000.000	7.300.000	1.800.000
2	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	Đồng/học sinh /năm	15.000.000	18.000.000	8.000.000
3	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Đồng/học sinh /năm	10.000.000	18.000.000	8.000.000
4	THPT chuyên còn lại ¹⁴	Đồng/học sinh /năm	10.000.000	12.000.000	5.400.000
5	Khởi trường khuyết tật ¹⁵	Đồng/học sinh /năm	10.200.000	15.000.000	5.500.000
6	Trường Dân tộc nội trú ¹⁶	Đồng/học sinh /năm	13.000.000	19.200.000	8.400.000
7	Trung tâm giáo dục KTTH	Đồng/học sinh /năm	450.000	Chuyển về UBND quận, huyện quản lý	
8	Trung tâm giáo dục thường xuyên	Đồng/học sinh /năm	1.800.000		

¹² Chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 15/11/2011 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo – Lao động Thương binh và Xã hội – Quốc phòng – Công an – Nội vụ - Tài chính; Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao theo quy định tại Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch.

¹³ Định mức khối THPT tăng do số học sinh/lớp giảm từ 45 hs/lớp xuống còn 40 hs/lớp; quỹ lương/hs tăng 171.000 đồng/hs.

¹⁴ Định mức áp dụng cho học sinh chuyên học tại các trường THPT Chu Văn An, THPT Sơn Tây.

¹⁵ Áp dụng cho học sinh khuyết tật học tại các trường: Tiểu học Bình Minh, PTCS Nguyễn Đình Chiểu, PTCS Xã Đàn và học sinh khuyết tật học hòa nhập trong các trường thường (không phải trường chuyên biệt). Định mức phân bổ tăng do định mức của giai đoạn 2011-2015 chưa đảm bảo quỹ lương, phải bù theo cơ cấu.

¹⁶ Định mức chưa bao gồm học bổng học sinh dân tộc nội trú. Định mức phân bổ tăng so với giai đoạn 2011-2015 do tăng kinh phí tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bổ sung kinh phí tổ chức giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội phù hợp với học sinh phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BTC ngày 15/01/2016 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Đối với các trường học nằm trên địa bàn các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, định mức phân bổ được tính tăng thêm 10% so với định mức nêu trên.

2.2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

- Đối với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, dạy nghề, Trung tâm dịch vụ việc làm, Tạp chí giáo dục Thủ đô và các Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

- Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: dự toán kinh phí được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Thành phố và các chế độ chi hiện hành.

3. Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:

3.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

3.1.1. Đối với các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa:

Xây dựng định mức theo tiêu chí giường bệnh đảm bảo thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, đặc biệt là quy định về lộ trình xây dựng giá dịch vụ công giai đoạn 2016 – 2020, cụ thể:

a. Năm 2017:

- Xây dựng định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí giường bệnh áp dụng đối với các bệnh viện công lập thuộc thành phố quản lý bao gồm chi phí quản lý do chưa được cấu thành vào giá dịch vụ y tế theo lộ trình xây dựng giá dịch vụ công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Định mức phân bổ ngân sách được xây dựng theo các yếu tố chi phí cụ thể, phân theo từng hạng bệnh viện đối với bệnh viện đa khoa (hạng I, II, III) và định mức cho từng bệnh viện chuyên khoa.

- Riêng đối với Bệnh viện Phổi Hà Nội, do tính chất đặc thù khám và điều trị bệnh nhân lao và phổi, hầu hết công chức, viên chức, người lao động làm việc tại bệnh viện được hưởng mức phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp độc hại cao nhất¹⁷ theo các quy định của Trung ương, trong khi mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Phổi Hà Nội thực hiện theo mức giá quy định chung cho các hạng bệnh viện trên phạm vi toàn quốc tại Thông tư 37/2015/TT-BYT-BTC¹⁸

Vì vậy, ngoài định mức theo tiêu chí giường bệnh áp dụng đối với bệnh viện hạng II như các bệnh viện cùng hạng khác; Bệnh viện Phổi Hà Nội được ngân sách đảm bảo phần chi phí phụ cấp đặc thù chưa được cấu thành đủ vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC.

¹⁷ - Mức phụ cấp ưu đãi ngành theo quy định tại Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 và Thông tư số 02/2012/TTLT BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Liên Bộ: Y tế - Nội vụ - Tài chính.

- Mức phụ cấp độc hại theo quy định tại Quyết định số 07/2005/QĐ-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ

- Mức bồi dưỡng hiện vật theo quy định tại Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

¹⁸ Mức giá đã bao gồm các khoản phụ cấp áp dụng đối với cán bộ y tế làm việc tại các cơ sở y tế thông thường, chưa tính đến yếu tố đặc thù do điều trị bệnh nhân lao và phổi.

- Định mức chưa bao gồm mức trợ cấp hàng tháng cho cán bộ, viên chức làm việc tại một số đơn vị đặc thù thuộc Sở Y tế theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 18/2/2014 của UBND Thành phố. Mức trợ cấp này sẽ được xác định theo số cán bộ, viên chức thực tế có mặt hàng năm và giao dự toán cho các đơn vị ngoài kinh phí theo định mức giường bệnh.

b. Giai đoạn 2018 – 2020:

Giá dịch vụ công theo lộ trình quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP được tính bổ sung thêm chi phí quản lý, các bệnh viện công lập thuộc thành phố quản lý thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo phân loại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

c. Trường hợp giá dịch vụ y tế của thành phố Hà Nội chưa được điều chỉnh theo lộ trình xây dựng giá tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP:

Hiện nay, giá dịch vụ y tế của thành phố Hà Nội đang thực hiện theo 02 mức giá theo đối tượng người bệnh:

- Đối với người bệnh có thẻ BHYT: mức giá bao gồm các chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù phẫu thuật, thủ thuật và tiền lương quy định tại Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC.

- Đối với người bệnh chưa có thẻ BHYT: thực hiện mức giá do thành phố Hà Nội ban hành tại Nghị quyết 13/2013/NQ-HĐND và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND trong phạm vi khung giá của Thông tư 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2006 và Thông tư số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/2/2012, theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 824/BYT-KH-TC ngày 16/2/2016¹⁹.

Trường hợp giá dịch vụ y tế của thành phố Hà Nội chưa được Bộ Y tế điều chỉnh kịp thời theo lộ trình xây dựng giá tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP, ngân sách Thành phố đảm bảo phần chi phí chưa được kết cấu vào giá dịch vụ y tế tại từng thời điểm, phù hợp với từng đối tượng người bệnh có thẻ BHYT và chưa có thẻ BHYT.

3.1.2. Đối với các bệnh viện đặc thù:

Các Bệnh viện đặc thù, thực hiện các nhiệm vụ của UBND Thành phố giao về khám chữa bệnh, điều trị, chăm sóc và nuôi dưỡng một số đối tượng đặc biệt như: tâm thần, phong, HIV/AIDS, trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam/dioxin, căn cứ vào tính chất đặc thù và các văn bản hướng dẫn của Trung ương để xác định tiêu chí và phương thức xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm cho từng bệnh viện, đảm bảo phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

a. Các bệnh viện tâm thần và khu điều trị phong Quốc Oai:

Ngày 29/9/2016, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 36/2016/TT-BYT quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh,

¹⁹ Mức giá UBND Thành phố Hà Nội ban hành áp dụng theo từng hạng bệnh viện, trong đó các bệnh viện hạng I đã được quy định mức thu cao nhất của khung giá quy định tại Thông tư 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2006 và mức giá nằm trong khung giá Thông tư số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/2/2012.

chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của nhà nước. Vì vậy, các bệnh viện tâm thần (Bệnh viện tâm thần Hà Nội, Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức, Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương) và khu điều trị phong Quốc Oai thuộc Bệnh viện Da Liễu Hà Nội thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ và lập dự toán kinh phí ngân sách đảm bảo theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều 5 Thông tư số 36/2016/TT-BYT, không xây dựng định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2017-2020.

Kinh phí thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ là kinh phí thường xuyên, được quản lý và sử dụng theo các quy định của pháp luật về chế độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, được lập theo nguyên tắc sau:

Căn cứ số lượng người làm việc, căn cứ số lượng người bệnh phong, tâm thần được khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng năm trước liền kề và dự báo mô hình bệnh tật năm kế hoạch; đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ theo các nội dung sau:

- Các khoản chi cho con người theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công; các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

- Chi thực hiện khám, chữa bệnh, chăm sóc và chi phí cần thiết khác thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh người bệnh phong, tâm thần theo mức chi đối với từng trường hợp bệnh quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư 36/2016/TT-BYT.

- Chi tiền ăn đối với người bệnh thuộc đối tượng nhà nước hỗ trợ tiền ăn theo chế độ quy định.

b. Bệnh viện 09:

Bệnh viện 09 là bệnh viện đặc thù, không có nguồn thu, thực hiện nhiệm vụ điều trị và nuôi dưỡng tập trung các đối tượng bệnh nhân HIV/AIDS giai đoạn cuối. Theo quy định tại Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ, dịch vụ “*chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh HIV/AIDS giai đoạn cuối*” là dịch vụ sự nghiệp công ngân sách bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ.

Hiện nay, Bộ Y tế chưa quy định mức phân bổ nuôi dưỡng và điều trị bệnh nhân HIV/AIDS giai đoạn cuối và phương án giao nhiệm vụ như đối với bệnh nhân tâm thần, phong. Vì vậy, Bệnh viện 09 chưa có cơ sở để thực hiện theo quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP. Định mức phân bổ ngân sách của Bệnh viện 09 được xây dựng trên cơ sở kế thừa định mức giai đoạn 2011-2015 theo 02 định mức sau:

- Định mức phân bổ ngân sách theo chỉ tiêu biên chế áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên: đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên của bệnh viện.

- Định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí giường bệnh bao gồm các chi phí trực tiếp phục vụ việc khám, điều trị, chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng

(không bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp đặc thù).

c. Bệnh viện phục hồi chức năng:

Bệnh viện phục hồi chức năng là bệnh viện đặc thù, có chức năng khám và điều trị chuyên khoa phục hồi chức năng; đồng thời, được thành phố giao nhiệm vụ, chăm sóc và nuôi dưỡng miễn phí trẻ em khuyết tật, bị nhiễm chất độc màu da cam, dioxin. Do tính chất đặc thù, bệnh viện có nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng nhưng rất thấp²⁰. Định mức phân bổ ngân sách đối với Bệnh viện phục hồi chức năng được xây dựng như sau:

- Định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí giường bệnh bao gồm các chi phí trực tiếp phục vụ việc khám, điều trị, chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng (không bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp đặc thù).

- Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của bệnh viện được thực hiện theo cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.3. Đối với Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội và Bệnh viện Thận Hà Nội :

a. Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội:

Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập, cung cấp dịch vụ vận chuyển cấp cứu bệnh nhân. Theo lộ trình xây dựng giá dịch vụ công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, giá dịch vụ vận chuyển cấp cứu đến năm 2016 phải đảm bảo toàn bộ chi phí trực tiếp, tiền lương, các khoản phụ cấp đặc thù; tuy nhiên, mức giá dịch vụ vận chuyển cấp cứu hiện nay thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 13/2013/NQ-HĐND, chưa tính đủ theo lộ trình xây dựng giá dịch vụ công của Chính phủ. Vì vậy, từ năm 2017, Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Bệnh viện Thận Hà Nội:

Bệnh viện Thận Hà Nội là cơ sở y tế công lập cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh và điều trị chuyên khoa thận. Theo nguyên tắc xây dựng định mức đối với các bệnh viện, Bệnh viện Thận được xây dựng định mức theo tiêu chí giường bệnh bao gồm chi phí quản lý chưa được kết cấu vào giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính giá dịch vụ công của Chính phủ.

Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của Bệnh viện Thận có số giường bệnh được giao không nhiều (30 giường bệnh) do bệnh nhân chủ yếu chạy thận nhân tạo không lưu trú tại viện. Nếu chỉ xây dựng định mức theo tiêu chí giường bệnh thì định mức phân bổ ngân sách cho 01 giường bệnh sẽ rất lớn, không tương ứng với định mức phân bổ ngân sách của các bệnh viện cùng hạng khác. Định mức phân bổ ngân sách của Bệnh viện Thận được tiếp tục xây dựng trên cơ sở kế thừa định mức giai đoạn 2011-2015 như sau:

²⁰ Nguồn thu của Bệnh viện mỗi năm chỉ từ khoảng 2 – 2,5 tỷ đồng, đáp ứng khoảng 10% nhiệm vụ chi.

- Năm 2017: Xây dựng định mức phân bổ ngân sách bao gồm chi phí quản lý do chưa được cấu thành vào giá dịch vụ y tế theo lộ trình xây dựng giá dịch vụ công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, phân bổ theo 2 tiêu chí:

+ Định mức theo tiêu chí giường bệnh: thực hiện theo định mức phân bổ ngân sách như các bệnh viện khác cùng hạng.

+ Định mức theo ca chạy thận nhân tạo: được xác định trên cơ sở phần chi phí quản lý còn lại (ngoài phần chi phí đã được đảm bảo theo định mức giường bệnh) phân bổ cho số lượt chạy thận nhân tạo.

- Giai đoạn 2018 – 2020:

Giá dịch vụ công theo lộ trình quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP được tính bổ sung thêm chi phí quản lý, Bệnh viện Thận Hà Nội thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo phân loại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

- Nguyên tắc xử lý trong trường hợp giá dịch vụ y tế của thành phố Hà Nội chưa được điều chỉnh theo lộ trình xây dựng giá tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ: được thực hiện tương tự như đối với các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa khác.

3.1.4. Đối với khối các trung tâm:

Các Trung tâm chuyên khoa (không có giường bệnh), Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (bao gồm phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh và trạm y tế xã, phường, thị trấn).

Các đơn vị nêu trên đều là các đơn vị sự nghiệp cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016. Vì vậy, việc áp dụng định mức phân bổ ngân sách theo chỉ tiêu biên chế như hiện nay không còn phù hợp với quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP. Từ năm 2017, các Trung tâm thực hiện xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.5. Định mức theo lượt khám ngoại trú đối với một số bệnh:

Định mức theo lượt khám ngoại trú đối với một số bệnh như: tâm thần, da liễu, lao và định mức khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý (đối tượng B) thực chất là mức chi để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ tiêu được giao.

Từ năm 2017, Thành phố không xây dựng định mức phân bổ ngân sách đối với công tác khám chữa bệnh ngoại trú cho người dân tại cộng đồng, kinh phí thực hiện được bố trí cùng với kinh phí thực hiện các hoạt động sự nghiệp y tế được ngân sách thành phố đảm bảo thông qua định mức phân bổ ngân sách theo tiêu chí dân số. Sở Y tế xây dựng mức chi phục vụ công tác khám chữa bệnh ngoại trú tại cộng đồng đối với các bệnh: tâm thần, da liễu, lao, trình UBND Thành phố phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Mức chi khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý (đối tượng B) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 604-QĐ/TU ngày 24/2/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về điều chỉnh kinh phí hỗ trợ tiền thuốc trong khám chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban bảo vệ, chăm

sức khỏe cán bộ quản lý. Kinh phí thực hiện hàng năm được bố trí trong dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn ngoài định mức giao Sở Y tế.

3.1.6. Đối với các hoạt động sự nghiệp y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình:

Xây dựng định mức theo tiêu chí dân số để đảm bảo kinh phí phòng dịch, các hoạt động sự nghiệp y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, Dân số kế hoạch hóa gia đình trên phạm vi toàn thành phố, được tính riêng cho từng cấp ngân sách theo nguyên tắc sau:

- Kế thừa định mức theo dân số quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND.
- Tính bổ sung thêm tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.
- Tính bổ sung các yếu tố phát sinh do thay đổi, ban hành mới chế độ, chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh²¹.

3.2. Định mức phân bổ:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
I	Chữa bệnh			
1	Bệnh viện hạng 1	Đồng/giường bệnh/năm	72.000.000	55.000.000
2	Bệnh viện hạng 2	Đồng/giường bệnh/năm	60.000.000	45.000.000
	<i>Trong đó:</i>			
	- Bệnh viện Thận Hà Nội			
	+ Giường bệnh	Đồng/giường bệnh/năm	60.000.000	45.000.000
	+ Ca chạy thận	Đồng/ca	300.000	170.000
3	Bệnh viện hạng 3	Đồng/giường bệnh/năm	55.000.000	40.000.000
4	Các bệnh viện đặc thù			
4.1	Bệnh viện tâm thần Hà Nội	Đồng/giường bệnh/năm	72.000.000	Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ khám bệnh,

²¹ Quyết định 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch.

- Các văn bản về quản lý và sử dụng các Chương trình MTQG giai đoạn 2011 - 2015: Thông tư số 113/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 15/8/2013 và Thông tư số 117/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 11/8/2015 về Chương trình mục tiêu quốc gia y tế; Thông tư số 163/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 08/10/2012 về Chương trình MTQG phòng chống HIV/AIDS; Thông tư số 67/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 21/5/2013 về Chương trình MTQG An toàn vệ sinh thực phẩm; Thông tư số 67/2013/TTLT BYT-BTC ngày 21/5/2013 về Chương trình MTQG An toàn vệ sinh thực phẩm; Thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 20/2/2013 về Chương trình MTQG dân số kế hoạch hóa gia đình.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
4.2	Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức, Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương	Đồng/giường bệnh/năm	60.000.000	chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần và lập dự toán kinh phí thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT của Bộ Y tế
4.3	Khu điều trị Phong thuộc Bệnh viện Da liễu Hà Nội		Định mức theo biên chế và chế độ nuôi dưỡng, điều trị bệnh nhân phong được thanh toán theo thực tế	
4.4	Bệnh viện 09			
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	40.000.000	45.000.000
	- Hoạt động bộ máy	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp 2 khối hành chính
4.5	Bệnh viện phục hồi chức năng			
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	40.000.000	45.000.000
	- Hoạt động bộ máy	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
5	Trung tâm Cấp cứu 115 Hà Nội	Đồng/lượt VCCC	300.000 đồng/lượt (bao gồm cả tiền lương và các khoản theo lương)	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
II	Phòng bệnh			
1	Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và các trung tâm chuyên khoa	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
2	Bệnh nhân tâm thần khám ngoại trú	Đồng/lượt khám	450.000	Sở Y tế xây dựng mức chi trình UBND Thành phố Quyết định. Kinh phí được bố trí hàng năm trong định mức phân bổ các hoạt động sự nghiệp y tế theo dân số
3	Bệnh nhân da liễu khám ngoại trú	Đồng/lượt khám	60.000	
4	Bệnh nhân khám lao ngoại trú	Đồng/lượt khám	1.035.000	
5	Lượt khám đối tượng B	Đồng/lượt khám	210.000	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 604/QĐ-TU của Thường vụ Thành ủy. Kinh phí được bố trí hàng năm trong dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn ngoài định mức
6	Phòng dịch	Đồng/người dân/năm	4.000	6.000
7	Các hoạt động sự nghiệp y tế	Đồng/người dân/năm	10.000	16.000
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Đồng/người dân/năm	5.000	8.000
9	Dân số, kế hoạch hóa gia đình	Đồng/người dân/năm	2.000	4.000

Trong đó:

a. Định mức tính theo dân số được áp dụng cho:

- Chi phòng dịch: Chi cho các nhiệm vụ phòng chống dịch thường xuyên cấp thành phố hàng năm, không bao gồm chi phòng chống dịch đột xuất.

- Chi hoạt động sự nghiệp y tế bao gồm: chi hoạt động nghiệp vụ thường xuyên, lập các dự án kêu gọi viện trợ, chi các chương trình y tế (phòng bệnh, khám và điều trị một số bệnh ngoại trú theo chỉ đạo của Bộ Y tế).

- Chi công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình: Chi cho công tác xây dựng, triển khai kế hoạch; tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình; quản lý về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số; kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm và các nhiệm vụ về tăng cường công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với cấp Thành phố theo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

b. Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập được để lại đơn vị sử dụng theo quy định. Trường hợp nguồn tài chính của đơn vị không

đảm bảo hoạt động thường xuyên, được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, tiếp tục được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo quy định.

4. Sự nghiệp văn hoá, thể thao và du lịch:

4.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Kế thừa định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp văn hóa và thể thao giai đoạn 2011-2015, đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chính trị thường niên.

- Đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp nhiệm vụ chi giai đoạn mới.

- Bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

- Định mức không bao gồm kinh phí thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; kinh phí duy trì cơ sở vật chất của Bảo tàng Hà Nội và Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ này được bố trí trên cơ sở dự toán hàng năm theo quy định.

4.2. Định mức phân bổ ngân sách:

Với nguyên tắc xác định như trên, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thể thao, du lịch như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
2	Các hoạt động sự nghiệp văn hoá	Đồng/người dân/năm	10.000	13.000
3	Các sự nghiệp TDTT			
	Thể thao quần chúng	Đồng/người dân/năm	2.500	3.000
	Thể thao thành tích cao		Theo chế độ chi và đối tượng	Theo chế độ chi và đối tượng
4	Sự nghiệp du lịch	Đồng/người dân/năm	3.000	Theo Chương trình phát triển du lịch hàng năm

5. Sự nghiệp thông tin và truyền thông:

5.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức giai đoạn 2011-2015.

- Việc xác định dự toán chi hàng năm và trong thời kỳ ổn định của ngân sách Thành phố thực hiện trên cơ sở:

- + Thực tế chi sự nghiệp thông tin và truyền thông năm 2016.
- + Trên cơ sở nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố.
- + Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá theo quyết định của Thành phố.
- + Khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

5.2. Định mức phân bổ ngân sách:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
2	Các hoạt động sự nghiệp (trong đó có hỗ trợ các báo)		Theo thực tế	Theo thực tế

6. Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội thực hiện theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình được tính toán theo dự toán kinh phí do Thành phố đặt hàng với Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội hàng năm để thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

7. Sự nghiệp đảm bảo xã hội:

7.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Ngân sách cấp Thành phố đảm bảo kinh phí hoạt động và chế độ chi nuôi dưỡng người có công, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các Trung tâm, các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, chi thực hiện chương trình xây dựng nhà ở, xoá nhà dột nát cho người nghèo và các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội khác theo quy định.

- Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ giai đoạn 2011-2015. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội và chi các hoạt động xã hội được tính trên cơ sở số đối tượng và chế độ chi cho từng đối tượng theo các quy định hiện hành của nhà nước, Thành phố.

7.2. Định mức phân bổ ngân sách:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng ĐM chi khác ngân sách của đơn vị DT cấp 2 Khối hành chính	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
2	Chi đảm bảo xã hội		Theo chế độ chi và đối tượng	Theo chế độ chi và đối tượng
3	Các hoạt động xã hội		Theo chế độ chi và đối tượng	Theo chế độ chi và đối tượng

8. Chi quốc phòng:

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho quốc phòng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ quốc phòng của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp trình HĐND Thành phố quyết định.

9. Chi an ninh:

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp trình HĐND Thành phố quyết định.

10. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức giai đoạn 2011-2015. Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ được bố trí theo chỉ tiêu Trung ương giao và các nhiệm vụ chi hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố.

11. Chi sự nghiệp kinh tế:

- Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức giai đoạn 2011-2015.
- Việc xác định dự toán chi sự nghiệp kinh tế hàng năm và trong thời kỳ ổn định của ngân sách Thành phố trên cơ sở:
 - + Thực tế chi sự nghiệp kinh tế năm 2016.
 - + Trên cơ sở nhiệm vụ chi ngân sách Thành phố

- + Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá theo quyết định của Thành phố.
- + Khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

12. Chi sự nghiệp môi trường:

- Kế thừa định mức giai đoạn 2011-2015 và bổ sung các nội dung chi về xây dựng chế độ, chính sách liên quan đến sự nghiệp bảo vệ môi trường mới ban hành.
- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố, tăng cường công tác thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để giảm chi ngân sách.
- Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp, gồm:
 - + Duy trì vệ sinh môi trường trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý; quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung, các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.
 - + Sự nghiệp môi trường khác: theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường²².

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách:

Chi thường xuyên khác của ngân sách: Căn cứ vào chế độ quy định, khả năng cân đối ngân sách và nhiệm vụ cụ thể Thành phố giao.

14. Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất thành phố giao; chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định; chi sửa chữa vừa và lớn cơ sở vật chất:

Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức giai đoạn 2011-2015, đối với những nhiệm vụ chi này chưa xác định được định mức phân bổ chi ngân sách. Việc xác định dự toán các khoản chi này thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất thành phố giao hàng năm, hoặc đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị: được bố trí dự toán hợp lý theo khối lượng nhiệm vụ được giao và chế độ chi tiêu theo quy định hiện hành.
- Chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định dùng cho công tác chung (không bao gồm chi mua sắm trang thiết bị văn phòng cho cá nhân đã được bố trí trong định mức phân bổ quản lý hành chính): Dự toán được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn định mức, nhu cầu thực tế của đơn vị và khả năng cân đối ngân sách.

²² Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường;
- Tổ chức thực hiện pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia;
- Tổ chức đánh giá và lập báo cáo môi trường. Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;
- Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;
- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh;
- Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc đề xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

- Chi sửa chữa vừa và lớn tài sản cố định: Dự toán được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế hợp lý của đơn vị, các dự án được duyệt theo quy định và khả năng cân đối của ngân sách.

15. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Đối với các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp 2 khối cơ quan hành chính.

III. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp quận, huyện, thị xã:

1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể:

1.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

a/ Nguyên tắc chung:

Kế thừa định mức phân bổ ngân sách giai đoạn 2011 – 2015 theo chỉ tiêu biên chế của các đơn vị để đảm bảo tính chặt chẽ, ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách và có điều chỉnh, bổ sung thêm một số khoản chi theo các chế độ, chính sách mới ban hành trong giai đoạn 2011-2016 và tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân giai đoạn 2011-2015, trong đó:

- Về tiêu chí: Xây dựng định mức phân bổ chi khác để đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan.

- Về phân nhóm định mức: định mức phân bổ chi khác được phân làm 3 nhóm theo phạm vi và tính chất công việc của các cơ quan như sau:

+ Nhóm các cơ quan hành chính.

+ Nhóm các tổ chức chính trị xã hội, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Nhóm các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung, gồm: Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, huyện, thị xã.

- Về phân định các mức: Quy định một định mức chung cho các cơ quan.

- Không áp dụng nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu là 45% để khắc phục hạn chế khi mức lương cơ sở điều chỉnh theo quy định của Chính phủ.

b. Nguyên tắc cụ thể:

b.1. Đối với khối các cơ quan hành chính và các tổ chức chính trị - xã hội, định mức phân bổ chi khác giai đoạn 2017 – 2020 được xác định trên cơ sở các yếu tố sau:

- Kế thừa định mức phân bổ chi khác quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 (trong đó, định mức phân bổ cho các tổ chức chính trị xã hội đã được tính bằng 130% định mức phân bổ các cơ quan hành chính).

- Tính bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 5,5%.

- Bổ sung các khoản kinh phí phát sinh do chế độ, chính sách mới được ban hành trong giai đoạn 2011 – 2015 tương tự như định mức phân bổ ngân sách chi khác quản lý hành chính cấp Thành phố.

- Tính bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo định mức máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến²³ quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và tỷ lệ hao mòn quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

b.2. Đối với các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung:

Ngoài các yếu tố được xác định theo phương pháp xây dựng định mức cho các cơ quan hành chính và tổ chức chính trị xã hội nêu trên, định mức phân bổ chi khác được tính bổ sung các chi phí phục vụ hoạt động điều hành chung của các cơ quan do đặc thù về phạm vi và tính chất công việc.

1.2. Định mức phân bổ ngân sách:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
I	Cơ quan hành chính			
	Cơ quan hành chính thuộc quận, huyện, thị xã.	Đồng/biên chế /năm	40.000.000	50.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện, thị xã			
1	Hội Liên hiệp phụ nữ	Đồng/biên chế /năm	52.000.000	60.000.000
2	Hội Cựu Chiến binh	Đồng/biên chế /năm	52.000.000	60.000.000
3	Hội Nông dân	Đồng/biên chế /năm	52.000.000	60.000.000

²³ Quy định tại Mục I Phần A và Mục I Phần B Phụ lục số 03 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/NQ- HĐND	Định mức
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	Đồng/biên ché /năm	52.000.000	60.000.000
III	Các cơ quan điều hành chung			
1	Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy	Đồng/biên ché /năm	52.000.000	65.000.000
2	Văn phòng UBND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên ché /năm	52.000.000	65.000.000
3	Văn phòng HĐND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên ché /năm	52.000.000	65.000.000
4	Ủy ban MTTQ quận, huyện, thị xã	Đồng/biên ché /năm	52.000.000	65.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ trên áp dụng cho khối các phòng, ban thuộc UBND quận, huyện, thị xã; cơ quan thuộc quận ủy, huyện ủy, thị ủy; Văn phòng HĐND, UBND quận, huyện, thị xã và 5 tổ chức chính trị - xã hội; được tính theo biên chế được giao.

b. Định mức phân bổ trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Nội vụ hướng dẫn Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

c. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trường bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục

hành chính; trang phục ngành (không có tính chất đặc thù); kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Các khoản kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo định mức quy định; kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí duy tu, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản cố định.

d. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương²⁴

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; mua ô tô, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo các Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm c nêu trên.

e. Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi khác theo định mức của cơ quan hành chính và quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế.

f. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

g. Dự toán chi khác quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

2.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

a. Đối với khối giáo dục:

- Trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo tiêu chí học sinh đã được quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND.

- Định mức đảm bảo lương, các khoản theo lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng và chi khác. Mức chi khác được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo lương và chi khác tối thiểu, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo mức chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

²⁴ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế; Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

- Định mức phân bổ chi khác tính đủ các khoản kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mới trong giai đoạn 2011-2016²⁵, tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân hàng năm.

b. Đối với khối đào tạo và dạy nghề:

- Trung tâm bồi dưỡng chính trị và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận, huyện thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số được quy định tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND và bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015.

c. Đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo chung: Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ tại Quyết định 55/2010/QĐ-UBND của UBND Thành phố.

2.2. Định mức phân bổ ngân sách (chưa trừ nguồn thu học phí) :

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức	
				Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
I	Giáo dục				
1	Khối Mầm non ²⁶	Đồng/học sinh /năm	3.400.000	7.500.000	1.800.000
2	Khối Tiểu học	Đồng/học sinh /năm	3.000.000	5.200.000	1.300.000
3	Khối THCS ²⁷	Đồng/học sinh /năm	3.700.000	7.200.000	1.700.000
4	Khối trường khuyết tật ²⁸	Đồng/học sinh /năm	10.200.000	14.500.000	5.500.000
II	Đào tạo, dạy nghề				
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định	

²⁵ Chế độ mới phát sinh đối với học sinh THCS bao gồm: Chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 15/11/2011 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo – Lao động Thương binh và Xã hội – Quốc phòng – Công an – Nội vụ - Tài chính; Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao theo quy định tại Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch.

²⁶ Định mức khối Mầm non tăng do: Tỷ lệ cơ cấu học sinh/giáo viên giảm từ 18,9 hs/gv xuống còn 10,5 hs/gv; từ năm 2010 đến nay số giáo viên tuyển mới và giáo viên chuyển từ mầm non bán công sang mầm non công lập tăng khoảng 22.000 giáo viên dẫn đến quỹ tiền lương của khối mầm non tăng cao.

²⁷ Định mức khối THCS tăng do số học sinh/lớp giảm từ 45 hs/lớp xuống còn 38 hs/lớp; quỹ lương/hs tăng 177.000 đồng/hs.

²⁸ Áp dụng đối với học sinh khuyết tật học tại các trường do quận, huyện, thị xã quản lý.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức theo NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức	
				Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (*)	Đồng/biên chế/năm	chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác	16/2015/NĐ-CP của Chính phủ	
3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Đồng/người dân/năm	7.500	9.000	
III	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo chung		1,5% tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	1,5% tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	

(*) Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề đã được sáp nhập cùng với Trung tâm giáo dục KTTH, Trung tâm giáo dục thường xuyên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND Thành phố và thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với các trường học nằm trên địa bàn các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, định mức phân bổ được tính tăng thêm 10% so với định mức nêu trên.

3. Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

3.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Kế thừa định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong giai đoạn 2011-2015.
- Bổ sung tỷ lệ tăng chi số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

3.2. Định mức phân bổ ngân sách:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
1	Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
2	Chi hoạt động sự nghiệp y tế			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
-	Dân số, kế hoạch hóa gia đình (*)	Đồng/người dân/năm	3.000	4.000
-	Chi phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, vệ sinh an toàn thực phẩm	Đồng/người dân/năm	4.000	5.000
-	Chương trình chăm sóc trẻ em ²⁹	Đồng/người dân/năm	1.000	Chuyển sang sự nghiệp đảm bảo xã hội

(*) Chưa bao gồm thù lao cho công tác viên dân số tại các thôn, tổ dân phố.

4. Sự nghiệp văn hoá, thể thao, du lịch

4.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Kế thừa định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong giai đoạn 2011-2015.
- Đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp nhiệm vụ chi giai đoạn mới.
- Bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

- Định mức phân bổ ngân sách chi hoạt động sự nghiệp văn hóa cấp huyện đã đảm bảo một phần kinh phí cho công tác duy tu, duy trì các di tích theo quy định của Luật Di sản đối với các di tích theo phân cấp quản lý hiện hành³⁰ và tăng cường kinh phí theo Chương trình số 04-Ctr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về phát triển văn hóa-xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2016 – 2020.

4.2. Đề xuất định mức phân bổ ngân sách:

Với nguyên tắc xác định như trên, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá, thể thao, du lịch như sau:

²⁹ Theo quy định tại Thông tư số 37/2015/TTLT-BLDTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của liên Bộ: Lao động Thương binh Xã hội và Nội vụ, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em chuyển sang lĩnh vực đảm bảo xã hội do cơ quan lao động thương binh và xã hội thực hiện.

³⁰ Theo quy định tại điều 57, 58, 59 Luật Di sản hợp nhất năm 2013: Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Nhà nước ưu tiên đầu tư Ngân sách cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng.

Theo quy định phân cấp quản lý hiện hành đối với lĩnh vực văn hóa tại Điều 16 Quyết định 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016: cấp Thành phố quản lý đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện quản lý, hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư tu bổ phát huy giá trị di tích cấp quốc gia cấp huyện đang quản lý. Do đó, vốn sự nghiệp văn hóa cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ duy tu, bảo trì di tích (cùng với nguồn huy động xã hội hóa theo quy định của Luật Di sản).

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Hoạt động sự nghiệp văn hoá	Đồng/người dân /năm	6.000	9.000
3	Hoạt động sự nghiệp thể thao	Đồng/người dân /năm	5.000	6.000
4	Hoạt động sự nghiệp du lịch	Đồng/người dân /năm	2.000	2.500

5. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình

5.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

a. Đối với chi hoạt động bộ máy của đài phát thanh quận, huyện, thị xã: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Đối với chi hoạt động sự nghiệp phát thanh: Kế thừa định mức phân bổ trong giai đoạn 2011-2015 và bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

5.2. Đề xuất định mức phân bổ ngân sách:

Với nguyên tắc xác định như trên, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/ NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy của đài	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Hoạt động sự nghiệp phát thanh	Đồng/đài/năm	600.000.000	730.000.000

6. Sự nghiệp đảm bảo xã hội:

6.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội: kế thừa định mức phân bổ giai đoạn 2011-2015, được tính trên cơ sở số đối tượng và chế độ chi theo các quy định hiện hành của nhà nước và Thành phố.

- Định mức phân bổ chi các hoạt động xã hội: kế thừa định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong giai đoạn cũ và bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8%.

- Bổ sung định mức phân bổ ngân sách cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, trước đây được bố trí trong lĩnh vực y tế, nay chuyển sang lĩnh vực đảm bảo xã hội theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội - Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động Thương binh Xã hội và phòng Lao động Thương binh và Xã hội.

6.2. Định mức phân bổ ngân sách:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức tại NQ 16/2010/NQ-HĐND	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác	Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng xã hội		Tính theo thực tế và chế độ chi	Tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi
3	Các hoạt động xã hội	Đồng/người dân /năm	6.000	7.500
4	Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em (*)	Đồng/người dân /năm	1.000	1.500

Trong đó:

a. Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội bao gồm kinh phí chi trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí cho các đối tượng³¹ và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định.

³¹ Áp dụng cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ

b. Định mức phân bổ kinh phí chi các hoạt động xã hội bao gồm kinh phí chi các hoạt động công tác xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; tổ chức hội nghị, chi khánh tiết; các ngày lễ, tết truyền thống; thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách xã hội; chế độ thăm viếng nghĩa trang, mộ liệt sỹ và các nhiệm vụ chi hoạt động xã hội khác theo quy định.

(*) Chưa bao gồm thù lao cho cộng tác viên dân số làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

7. Chi quốc phòng:

7.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ chi quốc phòng cho ngân sách địa phương theo tiêu chí dân số trong giai đoạn 2011-2015, có tính bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8% và tăng cường kinh phí theo Chương trình 05-Ctr/TU của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

7.2. Định mức phân bổ ngân sách:

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên: 13.000 đồng/người/năm (đã bao gồm kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ).

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

8. Chi an ninh:

8.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

Kế thừa nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ chi an ninh cho ngân sách địa phương theo tiêu chí dân số trong giai đoạn 2011-2015, có tính bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8% và tăng cường kinh phí theo Chương trình 05-Ctr/TU của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

8.2. Định mức phân bổ ngân sách:

cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; các cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; các cựu thanh niên xung phong theo quy định tại Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; dân công hỏa tuyến theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên: 11.000 đồng/người/năm (đã bao gồm kinh phí thực hiện Pháp lệnh Công an xã, Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy theo quy định).

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2, nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5, nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

9. Chi mua sắm phương tiện, tài sản cố định, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn tài sản cố định:

Kế thừa nguyên tắc bố trí kinh phí trong giai đoạn cũ, bố trí tỷ lệ 3% tổng chi theo định mức các khoản chi thường xuyên của 8 lĩnh vực chi thường xuyên của quận, huyện theo định mức nêu trên.

10. Chi sự nghiệp kinh tế:

Đề xuất tiếp tục kế thừa cách tính định mức giai đoạn 2011-2015 xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 9 lĩnh vực chi thường xuyên theo định mức nêu trên; tuy nhiên có điều chỉnh tỷ lệ cho phù hợp với nhiệm vụ chi của các quận, huyện theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội hiện hành³², cụ thể: đối với các quận là 6%; đối với các huyện là 10%, thị xã Sơn Tây là 13%.

11. Chi sự nghiệp môi trường:

11.1. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách quận, huyện, tăng cường công tác thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để giảm chi ngân sách.

- Bảo đảm tính tương quan hợp lý giữa các địa bàn, vùng phát triển kinh tế, xã hội.

- Đối với các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường khác: tiếp tục kế thừa tiêu chí phân bổ trong giai đoạn 2011-2015 và bổ sung nhiệm vụ theo Luật Bảo vệ môi trường.

11.2. Định mức phân bổ ngân sách :

a. Nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải:

Được xác định trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được giao quản lý, duy trì, đơn giá do UBND Thành phố ban hành và kết quả đấu thầu tập trung lĩnh vực vệ sinh môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm kinh phí quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt do các huyện, thị xã quản lý theo phân cấp (nếu có). Căn cứ quy mô, công suất thực tế và thời gian hoạt động của khu

³² Tỷ lệ (%) phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các quận giảm so với giai đoạn 2011-2015 do bàn giao thoát nước, chiếu sáng về Thành phố quản lý.

tập kết rác thải sinh hoạt, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chuyên ngành, ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã để thực hiện.

b. Sự nghiệp môi trường khác:

Kế thừa theo định mức giai đoạn 2011-2015 và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công việc thuộc lĩnh vực sự nghiệp môi trường khác (chiếm khoảng 0,25% tổng chi thường xuyên ngân sách quận, huyện; tuy nhiên nhiều nội dung chi sự nghiệp môi trường khác cấp quận, huyện chưa thực hiện đầy đủ theo phân cấp như tuyên truyền, phổ biến các chính sách về bảo vệ môi trường, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về môi trường...); định mức phân bổ giai đoạn 2017-2020 giữ nguyên tỷ lệ là 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường³³.

Kinh phí sự nghiệp môi trường khác còn dư sau khi đã đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, được sử dụng để chi cho các hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

12. Chi thường xuyên khác của ngân sách:

Căn cứ vào chế độ quy định, khả năng cân đối ngân sách và nhiệm vụ cụ thể và tình hình thực hiện trong giai đoạn 2011-2015, kế thừa quy định trước đây, chi thường xuyên khác của ngân sách quận, huyện bố trí bằng 1,5% tổng chi thường xuyên của 9 lĩnh vực (từ mục 1 đến mục 9 nêu trên) của ngân sách quận, huyện, thị xã.

13. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Đối với các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác là 45.000.000 đồng (kế thừa cách tính tương ứng 90% định mức phân bổ chi khác các cơ quan khối hành chính quận, huyện).

³³ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:

- a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;
- b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
- c) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;
- d) Hàng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;
- đ) Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;
- e) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;
- g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;
- h) Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- i) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

14. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) các lĩnh vực tính theo định mức được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

IV. Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã:

1. Về nguyên tắc chung:

- Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã phải phù hợp với quy định quản lý nhà nước về một số lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh do cấp có thẩm quyền ban hành; phù hợp với trình độ quản lý, năng lực cán bộ cấp xã và khả năng cân đối ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

- Đảm bảo tính kế thừa định mức chi ngân sách cấp xã quy định tại Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của UBND thành phố Hà Nội, “không bao gồm chi lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn); đã bao gồm các chế độ, chính sách mới của Trung ương và Thành phố ban hành từ năm 2011 đến năm 2016.

- Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã căn cứ phân loại về quy mô dân số nông thôn và thành thị; tính chất hoạt động của xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố.

- Định mức đảm bảo nguồn thực hiện quy định về “khoản chi ngân sách xã” đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước và tạo nguồn chi hoạt động thường xuyên khác đối với các lĩnh vực chi hoạt động sự nghiệp, công tác đảm bảo xã hội và quốc phòng, an ninh trật tự ở cơ sở (xã, thôn, tổ dân phố) theo nội dung nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã của thành phố (giai đoạn 2017-2020).

2. Định mức chi thường xuyên ngân sách cấp xã :

Để khắc phục những hạn chế định mức chi ngân sách cấp xã giai đoạn 2011-2015, nhằm thực hiện cơ chế khoán chi và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND cấp xã theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính - Nội vụ; phương án xây dựng định mức chi ngân sách cấp xã gồm 02 phần: định mức khoán chi thường xuyên ngân sách cấp xã và định mức chi thường xuyên khác (không thực hiện khoán chi), cụ thể như sau:

2.1. Định mức khoán chi thường xuyên ngân sách cấp xã (để thực hiện chế độ tự chủ):

a. Đối tượng áp dụng:

Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã, gồm: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Ban Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự; Ban Công an (đối với xã), Ban Bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn).

- Đảng ủy cấp xã: Văn phòng Đảng ủy cấp xã và các Chi Bộ trực thuộc.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

b. Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Định mức khoán chi cho bộ máy quản lý hành chính cấp xã để thực hiện nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên của “Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đảng ủy xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”.

- Các đơn vị trực thuộc chính quyền cấp xã phải thực hiện “Quy định chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách xã cấp” theo quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ; đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ, công việc được giao.

- Không tăng biên chế, kinh phí quản lý hành chính được giao, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ³⁴.

- Quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện công khai, dân chủ, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức và người lao động.

c. Nội dung định mức khoán chi ngân sách cấp xã:

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán hàng năm (theo định mức khoán chi ngân sách xã), bao gồm:

c.1. Giao quỹ tiền lương theo biên chế: Thực hiện giao quỹ tiền lương theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố³⁵. Về chỉ tiêu biên chế để xác định giao quỹ tiền lương cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức cấp xã: Số lượng cán bộ, công chức được giao tại Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND thành phố, cụ thể: Xã, phường, thị trấn loại 1 tối đa 25 người; loại 2 tối đa 23 người; loại 3 tối đa 21 người. Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (tính theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/người/tháng).

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 18 chức danh được giao tại Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND Thành phố, cụ thể: Xã, phường, thị trấn loại 1 tối đa không quá 22 người; loại 2 tối đa không quá 20 người; loại 3 tối đa không quá 19 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 07 chức danh được giao tại Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND Thành phố.

³⁴ Do điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 8/3/2010 về quản lý biên chế công chức và khoản 2 Điều 9 Nghị định 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và các quy định có liên quan. Do nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, định mức phân bổ dự toán NSNN, điều chỉnh tỷ lệ phân bổ NSNN cho lĩnh vực quản lý hành chính.

³⁵ Quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ và Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND thành phố).

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp và được hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định.

Căn cứ mức lương ngạch, bậc hoặc chức vụ; các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn) để xác định tổng quỹ tiền lương (mức lương cơ sở 1.210.000 đồng).

c.2. Định mức khoán chi hoạt động theo biên chế được duyệt:

- Tiêu thức để xác định mức khoán chi hoạt động thường xuyên (ngoài quỹ lương) theo biên chế được duyệt, gồm:

+ Cán bộ, công chức cấp xã (Xã, phường loại 1 tối đa 25 biên chế; loại 2 là 23 biên chế; loại 3 là 21 biên chế).

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Xã, phường loại 1 tối đa 22 biên chế; loại 2 là 20 biên chế; loại 3 là 19 biên chế).

- Toàn bộ chi phí quản lý hành chính nhà nước phục vụ công tác chuyên môn của các đơn vị xã (nêu trên) được xác định theo định mức khoán chi hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu biên chế (được cấp có thẩm quyền giao).

- Định mức khoán chi hoạt động:

+ Cán bộ, công chức cấp xã là 40 triệu/biên chế/năm.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 20 triệu/biên chế/năm.

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (Điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chinh lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định 158/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền cấp xã.

2.2. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã:

a. Nguyên tắc:

- Tiêu chí để xây dựng định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã là dân số và được xác định trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm 2016 (đã bao gồm chênh lệch lương từ 730.000 đồng lên 1.210.000 đồng và chế độ, chính sách mới phát sinh giai đoạn 2011-2016) và loại trừ những nhiệm vụ chi thay đổi theo phân cấp hạ tầng, kinh tế - xã hội thuộc cấp huyện quản lý.

- Đảm bảo tính kế thừa định mức chi ngân sách xã quy định tại Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của UBND thành phố, không bao gồm các khoản: chi lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn) và định mức khoán chi hoạt động thường xuyên của bộ máy quản lý nhà nước theo quy định tại nhóm 1 nêu trên.

- Đảm bảo chi các hoạt động sự nghiệp chính quyền cấp xã của một xã có số dân trung bình; đối với các xã có số dân thấp hơn mức trung bình, xây dựng định mức chi cao hơn để đảm bảo mức kinh phí tối thiểu để xã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; đối với các xã có số dân cao hơn mức trung bình, xây dựng định mức chi theo phương pháp lũy thoái do nhiệm vụ chi không tăng tương ứng với tốc độ tăng dân số do những khu chung cư tập trung dân số cao mới phát sinh; qua đó khắc phục hạn chế của định mức chi ngân sách xã giai đoạn 2011-2015.

- Bổ sung kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã, phường, thị trấn.

- Định mức chi thường xuyên khác (không thực hiện cơ chế khoán chi), để tạo nguồn chi hoạt động thường xuyên các lĩnh vực hoạt động sự nghiệp, đảm bảo xã hội và quốc phòng, an ninh ở cơ sở (xã, thôn, tổ dân phố) theo nội dung phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã (giai đoạn 2017-2020).

b. Đề xuất định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã:

b.1. Trên cơ sở các nguyên tắc trên, đề xuất định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã phân thành 07 bậc³⁶ cụ thể như sau:

(1) Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 200.000 đồng/người dân.

(2) Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 160.000 đồng/người dân.

(3) Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 120.000 đồng/người dân.

(4) Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 60.000 đồng/người dân.

(5) Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 50.000 đồng/người dân.

(6) Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 40.000 đồng/người dân.

(7) Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 20.000 đồng/dân.

Trường hợp định mức chi thường xuyên khác của các xã, phường, thị trấn tính theo nguyên tắc nêu trên thấp hơn 1.000 triệu đồng thì được đảm bảo mức ngân sách tối thiểu là 1.000 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

b.2. Đối với các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng được tính tăng thêm 15% so với định mức phân bổ nêu trên.

b.3. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ, Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ và Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh

³⁶ Định mức giai đoạn 2011-2015 có 12 nhóm, 24 loại định mức (xã và phường, thị trấn) và bao gồm chi Quản lý nhà nước.

Công an xã theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã, phường (theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương và Quyết định số 1497-QĐ/TU ngày 16/11/2009 của Thành ủy Hà Nội); tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã (theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016); kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã, phường, thị trấn; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, phường; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn, tổ dân phố; kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của cấp xã.

b.4. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc.

2.3. Bổ sung ngoài định mức kinh phí trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc.

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018), định mức tính phân bổ nêu trên được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND quyết định theo khả năng cân đối ngân sách các cấp./.

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của việc thay đổi
định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020

1/ Mục tiêu ban hành chính sách:

Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển; đồng thời làm căn cứ để lập và giao dự toán chi thường xuyên hàng năm đối với các đơn vị dự toán thuộc các cấp ngân sách địa phương. Đảm bảo mức chi cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của Thành phố, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế xã hội giai đoạn 2017-2020 của Thành phố.

2/ Tác động của chính sách:

2.1. Định mức phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Đảm bảo sự tương quan hợp lý giữa các quận, huyện và thị xã để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các quận, huyện và thị xã. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Việc phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản đã tạo ra cơ hội phát triển tốt hơn cho các quận, huyện, thị xã; đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ chi đã phân cấp.

- Nâng cao sự chủ động, trách nhiệm trong việc quản lý ngân sách theo phân cấp; đảm bảo sự khoa học, công bằng cho các cấp, các ngành, lĩnh vực.

2.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên:

- Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, trong đó có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế (điều chỉnh tăng thêm theo tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm và cập nhập các chế độ, chính sách mới được Trung ương và Thành phố ban hành trong giai đoạn 2011-2016); qua đó đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp của các đơn vị và tăng cao sự chủ động và tinh thần trách nhiệm trong quản lý điều hành chi tiêu của các đơn vị.

- Định mức giai đoạn 2017-2020 được xây dựng đã đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; nâng cao hiệu quả của công tác quản lý ngân sách; trong đó:

+ Định mức chi khác quản lý hành chính nhà nước được xây dựng theo tiêu chí biên chế, bao gồm các khoản chi phát sinh thường xuyên của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể; cùng với việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong việc điều hành chi tiêu, thực hiện các biện pháp tiết kiệm kinh phí tạo nguồn kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Đồng thời, chi hoạt động bộ máy của các đơn vị sự nghiệp do ngân sách đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thì được áp dụng định mức chi khác ngân sách của đơn vị dự toán khối hành chính, qua đó tạo điều kiện đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên cho các

đơn vị. Đối với các cơ quan chỉ đạo, điều hành chung, ngoài các yếu tố được xác định theo phương pháp xây dựng định mức cho các cơ quan hành chính và tổ chức chính trị xã hội nêu trên, định mức chi khác được tính bổ sung các chi phí phục vụ hoạt động điều hành chung của các cơ quan do đặc thù về phạm vi và tính chất công việc.

+ Định mức chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo tiêu chí học sinh đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản theo lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng và chi khác; tạo chủ động cho các đơn vị sử dụng ngân sách có điều kiện đảm bảo hoạt động nghiệp vụ giảng dạy và đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách giữa các cấp học. Mức chi khác được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

+ Định mức chi sự nghiệp y tế theo tiêu chí giường bệnh đảm bảo thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, đặc biệt là quy định về lộ trình xây dựng giá dịch vụ công giai đoạn 2016 – 2020; trong đó định mức được phân theo từng hạng bệnh viện cơ bản đáp ứng được các tiêu chí đặc thù của từng bệnh viện nhưng vẫn đảm bảo được tính thống nhất giữa các bệnh viện cùng hạng trên phạm vi Thành phố. Định mức theo tiêu chí dân số đảm bảo kinh phí phòng dịch, các hoạt động sự nghiệp y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình trên phạm vi toàn Thành phố và được tính riêng cho từng cấp ngân sách.

+ Các định mức phân bổ theo đối tượng, chế độ chi, định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trong các lĩnh vực sự nghiệp cơ bản đáp ứng nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các nhiệm vụ chi của quận, huyện, xã, phường theo phân cấp; đồng thời tăng cường tính chủ động, linh hoạt cho các cấp trong xây dựng dự toán cũng như trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Khi định mức giai đoạn 2017-2020 ra đời, các quy chế chi tiêu nội bộ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể... trong giai đoạn 2011-2016 có thể không còn phù hợp. Các đơn vị cần dựa trên định mức mới để xây dựng quy chế chi tiêu mới phù hợp với thực tế.

Nhìn chung, định mức phân bổ giai đoạn 2017-2020 đã cơ bản khắc phục được các tồn tại phát sinh trong thực tế triển khai của định mức giai đoạn 2011-2015; tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành; đảm bảo nguồn lực tài chính để góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh, quốc phòng trên địa bàn Thành phố.

3/ Thời gian tác động của chính sách:

Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng trong giai đoạn 2017-2020.

TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ DỰ KIẾN ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THUƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Tính đến ngày 18/11/2016)

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
A	ĐỊNH MỨC CẤP THÀNH PHỐ			
1	Lĩnh vực quản lý hành chính, Đảng đoàn thể			
	Sở Tài nguyên và Môi trường	QLNN	Bổ sung điểm e, khoản 1.1, mục 1, phần II: "Định mức phân bổ không bao gồm" nội dung: Các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm d nêu trên. (Để đảm bảo phân định các khoản chi trong và ngoài định mức phân bổ)	Sở Tài chính đã tiếp thu và bổ sung vào Đề án
	Sở Thông tin và Truyền thông	QLNN	Nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin (bao gồm chi phụ cấp đặc thù cho công chức, viên chức làm chuyên môn về công nghệ thông tin) không mang tính thường xuyên nên đề nghị không đưa vào mục các nội dung chi thuộc định mức phân bổ chi khác ngân sách hành chính, Đảng, đoàn thể.	Các nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm các hoạt động duy trì, cập nhật dữ liệu website của đơn vị, duy trì các phần mềm điều hành nội bộ,...là các hoạt động thường xuyên bố trí trong định mức chi khác của cơ quan hành chính. Phụ cấp đặc thù công nghệ thông tin được tính cho cán bộ làm công tác CNTT theo danh sách được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không nằm trong định mức chi khác của cơ quan hành chính. Đề nghị giữ nguyên dự thảo Đề án.
	Sở Thông tin và Truyền thông	QLNN	Đề nghị ghi rõ định mức phân bổ ngân sách cho đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên trong biểu định mức phân bổ ngân sách dự kiến làm cơ sở để đơn vị xây dựng dự toán ngân sách hàng năm thời kỳ ổn định.	Nội dung đơn vị đề nghị đã được quy định tại điểm 15 khoản II mục B phần II của Đề án
2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề			
	Sở GD&ĐT	SNGD	Đề nghị bổ sung định mức cho 02 đơn vị là Tạp chí giáo dục Thủ đô, Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục Hà Nội (Hiện nay đang áp dụng định mức phân bổ đơn vị dự toán cấp 2 khối hành chính).	Sở Tài chính đã tiếp thu và bổ sung vào Đề án đối với Tạp chí giáo dục Thủ đô; đối với Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội đã được quy định tại điểm 2 khoản II mục B phần II của Đề án
	Sở GD&ĐT	SNGD	Bổ sung định mức học sinh khuyết tật học hòa nhập trong các trường thường (trường không phải trường chuyên biệt).	Sở Tài chính đã tiếp thu và bổ sung vào Đề án
	Sở GD&ĐT	SNGD	Đề nghị định mức đối với học sinh trường THPT chuyên Nguyễn Huệ được tính như học sinh trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam.	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung trong Đề án
	Sở GD&ĐT	SNGD	Định mức chi đối với học sinh chuyên trong trường THPT Sơn Tây và THPT Chu Văn An: Định mức học sinh chuyên trong 02 trường này đề xuất tính định mức bằng 80% định mức học sinh chuyên trong trường chuyên (trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam).	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung trong Đề án
	Sở GD&ĐT	SNGD	Đề xuất định mức học sinh Trường phổ thông dân tộc nội trú: Đề xuất định mức chi học sinh (không bao gồm học bổng) là 22.040.000 đồng/học sinh/năm (gồm quỹ lương 10.800.000 đồng, chi khác trường đại trà 1.640.000 đồng, chi khác đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú là 9.600.000 đồng).	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung trong Đề án
	Sở GD&ĐT	SNGD	Hai trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu và PTCS Xã Đàn là các trường chuyên biệt dạy học sinh khuyết tật, số học sinh khuyết tật trong trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu là 216/1750 chiếm tỷ lệ 12,3%, số học sinh khuyết tật trong trường PTCS Xã Đàn là 215/475 chiếm tỷ lệ 45,3%. Đề xuất tăng định mức hoặc có cơ chế hỗ trợ đối với hai trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu và PTCS Xã Đàn.	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung trong Đề án

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
3	Lĩnh vực y tế			
	Sở Y tế	SNYT	Bổ sung số liệu vào cột “Định mức dự kiến năm 2017” và bổ sung định mức phòng chống HIV/AIDS: + Bệnh nhân tâm thần khám ngoại trú: 750.000 đồng/lượt khám. + Bệnh nhân da liễu khám ngoại trú: 100.000 đồng/lượt khám. + Bệnh nhân khám lao ngoại trú: 4.200.000 đồng/đợt điều trị 8 tháng. + Phòng chống HIV/AIDS: 6.000 đồng/người dân/năm.	- Định mức theo lượt khám ngoại trú đối với một số bệnh như: tâm thần, da liễu, lao thực chất là mức chi để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ tiêu được giao, không phải định mức phân bổ. Do đó, đề xuất Sở Y tế xây dựng mức chi trình UBND Thành phố quyết định. Kinh phí được bố trí hàng năm trong định mức chi các hoạt động sự nghiệp y tế theo dân số. Đề nghị giữ nguyên dự thảo Đề án. - Chi phòng chống HIV/AIDS đã được bố trí trong định mức chi hoạt động sự nghiệp y tế cấp quận, huyện
	Sở Y tế	SNYT	Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC, ngân sách năm 2017 cấp để chi thường xuyên cho các bệnh viện tuyến huyện sẽ không có kinh phí tiền lương và các khoản theo lương do đã được được xác định trong cơ cấu giá. Do vậy, về việc này Sở Y tế Hà Nội kính đề nghị Sở Tài chính Hà Nội nghiên cứu, báo cáo UBND Thành phố thực trạng hiện nay nhiều bệnh viện tuyến huyện việc thu dung bệnh nhân và nguồn thu còn thấp, bên cạnh đó việc thông tuyến BHXH cũng làm nguồn thu của đơn vị giảm đáng kể. Để đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho các bệnh viện tuyến huyện, kính đề nghị Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố cân có lộ trình thực hiện giá đối với các bệnh viện tuyến huyện.	Tại mục c phần 3.2 về dự kiến định mức chi sự nghiệp y tế cấp thành phố có quy định: Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của cơ sở y tế công lập được để lại đơn vị sử dụng theo quy định. Trường hợp nguồn tài chính của đơn vị không đảm bảo hoạt động thường xuyên, được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên, tiếp tục được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành.
4	Lĩnh vực đảm bảo xã hội			
	Sở Lao động TBXH	ĐBXH	Bổ sung vào nội dung giải thích tại điểm b mục 6.2 phần III của Dự thảo: “Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội bao gồm kinh phí chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và các nội dung chi được phân cấp”	Nội dung đơn vị đề nghị đã được quy định tại điểm 6 khoản III mục B phần II của Đề án: <i>“Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội bao gồm kinh phí chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định”</i>
	Sở Lao động TBXH		Sửa phần II mục 15 như sau: Các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ - CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ - CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. + Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. + Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp) được áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị hành chính cấp 2.	Tại điểm 15 khoản II mục B phần II của dự thảo Đề án đã quy định cụ thể việc triển khai xây dựng dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Các nội dung chi tiết như Sở Lao động đề nghị bổ sung đã được quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Đề nghị không quy định lại trong Đề án.

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	Sở Lao động TBXH		Bổ sung thêm đối tượng quy định tại các Quyết định số 40/2011/QĐ -TTg ngày 27/7/2011 Quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Kinh phí hoạt động của Đội công tác xã hội tình nguyện; chế độ thù lao, chế độ trang phục đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện; trợ cấp cho cán bộ kiêm nhiệm công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, AIDS cấp huyện, cấp xã; kinh phí hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ B93 theo Quyết định 04/2016/QĐ-UBND; theo nhiệm vụ chi tại Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.	Tại điểm 6 khoản III mục B phần II của Đề án đã quy định: Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội được tính theo đối tượng thực tế và chế độ chi; bao gồm kinh phí chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định. Các đối tượng và nội dung hỗ trợ cụ thể được thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành, đề nghị không quy định chi tiết trong Đề án.
5	Lĩnh vực An ninh			
	Cảnh sát PCCC	AN	Tại mục 8 phần III về chi an ninh cấp quận, huyện, thị xã: Cần phân chia cụ thể định mức phân bổ ngân sách cho lực lượng làm công tác PCCC trên địa bàn vì hiện tại, lực lượng PCCC đã tách riêng khỏi Công an Thành phố.	Sở Tài chính đã điều chỉnh, bổ sung trong Đề án: "Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên: 11.000 đồng/người/năm (đã bao gồm kinh phí của huyện theo phân cấp để thực hiện Pháp lệnh Công an xã, Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy theo quy định).
6	Lĩnh vực KHCN			
	Sở KHCN	KHCN	Tại điểm 10, khoản II, mục B phần II: Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Đề nghị bổ sung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh trong Đề án
	Sở KHCN		Bổ cụm từ "chi nghiên cứu khoa học", thay bằng cụm từ "chi hoạt động khoa học và công nghệ"	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh trong Đề án
7	Khác			
	Sở KHCN		Về cơ bản, các đơn vị sự nghiệp của Thành phố thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định cụ thể của từng ngành nên việc đưa nguyên tắc xây dựng định mức tại một số lĩnh vực sự nghiệp theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP là không cần thiết	Đề án đưa quy định như trên để các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện trong công tác lập dự toán do nhiều Nghị định chuyên ngành triển khai Nghị định 16/2015/NĐ-CP chưa được các Bộ chuyên ngành trình Chính phủ ban hành
	Sở Thông tin và Truyền thông		Bổ sung quy định từ năm 2018 sẽ được điều chỉnh tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách và tỷ lệ trượt giá	Đề án đã có điều khoản quy định nội dung như đơn vị đề nghị
	Sở Thông tin và Truyền thông		Đề nghị sửa cụm từ "đơn vị hành chính cấp 2" thành "đơn vị dự toán cấp 2" khỏi các cơ quan hành chính	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh trong Đề án
B	ĐỊNH MỨC CẤP HUYỆN			
1	Lĩnh vực quản lý hành chính, Đảng đoàn thể			
	UBND huyện Phúc Thọ	QLNN	Đề nghị bổ sung 3.000 triệu đồng/đơn vị/năm ngoài định mức đối với Văn phòng Huyện ủy và Văn Phòng HĐND-UBND huyện để đảm bảo hoạt động điều hành chung của huyện.	Trong dự thảo đã tính định mức cho các cơ quan điều hành chung gồm: Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy; VP UBND quận, huyện, thị xã và UBMTTQ quận, huyện thị xã là 65 triệu đồng/biên chế (đã được tính tăng 30% so với định mức của cơ quan hành chính).

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	UBND quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	QLNN	Đối với quy định tại phần III, mục 13: Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Trung ương chưa ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định và theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước theo lộ trình chưa thực hiện theo Điều 10 Nghị định 16/2015/NĐ-CP mà Dự thảo quy định: Hoạt động của Nhà văn hoá; Trung tâm thể dục thể thao; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; và Trung tâm dân số kế hoạch hoá gia đình thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP sẽ không thực hiện được ngay năm 2017. Đề xuất tiếp tục áp dụng định mức chi khác ngân sách của đơn vị quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế sự nghiệp khác như trước đây đến khi thực hiện xong lộ trình tính giá sẽ thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP.	Tại điểm 13 khoản III mục B phần II của dự thảo Đề án đã quy định cụ thể việc triển khai xây dựng dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ: "Các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Đối với các đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác là 45.000.000 đồng (kể thừa cách tính tương ứng 90% định mức phân bổ chi khác các cơ quan khối hành chính quận, huyện)"
	UBND Thị xã Sơn Tây	QLNN	Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, đáng bộ. - Đề nghị bổ sung định mức chi hoạt động HĐND cấp huyện theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội. - Bổ sung định mức chi công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương. - Bổ sung định mức kinh phí thi đua khen thưởng (Mức trích 1% chi thường xuyên) theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	Định mức chi hoạt động HĐND cấp huyện theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND đã được bố trí trong định mức chi khác của nhóm các cơ quan điều hành chung. Nội dung Bổ sung định mức chi công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương đang đề xuất bổ sung ngoài định mức. Đối với nội dung Bổ sung định mức kinh phí thi đua khen thưởng (Mức trích 1% chi thường xuyên) theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính, Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được quy định như sau: "Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được giao và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; trên cơ sở nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng; nguồn thu hợp pháp khác; kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức chi khen thưởng năm hiện hành; Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố và mức trích tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa." Như vậy quỹ thi đua khen thưởng được trích từ dự toán NSNN được giao hàng năm của từng cấp ngân sách.
	UBND quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	QLNN	Đề nghị bổ sung định mức chi cho các hội đặc thù được giao biên chế như: Hội Chữ thập đỏ, Hội người mù vì: Tại Khoản 1 điều 35 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 về chính sách của Nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù quy định: "Các hội có tính chất đặc thù được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao".	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung trong Đề án
	UBND quận Hai Bà Trưng	QLNN	Đối với định mức chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể đảm bảo kinh phí cho nội dung tại phần III, mục 1.2, điểm c, đối với các khoản chi nghiệp vụ hàng năm: khoản chi cho hoạt động ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, đây là hoạt động chung của toàn quận, không phải hoạt động chuyên môn riêng của đơn vị, nếu để đơn vị chủ quản thực hiện chi từ trong định mức chi của đơn vị là không hợp lý. Vì vậy UBND quận Hai Bà Trưng đề nghị không quy định nội dung chi cho hoạt động của ban vì sự tiến bộ của phụ nữ trong định mức chi thường xuyên của đơn vị.	Sở Tài chính đã tiếp thu và điều chỉnh trong Đề án

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	UBND huyện Hoài Đức, Thạch Thất	QLNN	Nâng mức khoán chi hoạt động áp dụng cho đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã lên tương đương với cán bộ, công chức cấp huyện (58 triệu đồng/biên chế/năm), do tính chất công việc của cán bộ, công chức xã như cán bộ, công chức cấp huyện. Đối với cán bộ không chuyên trách ở xã giữ nguyên là 30 triệu đồng/biên chế/năm, do tính chất công việc khác so với cán bộ, công chức xã.	Đã tiếp thu ý kiến một số quận, huyện trong dự thảo. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên đối với Cán bộ, công chức cấp xã là 38 triệu đồng/biên chế và người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 20 triệu đồng/biên chế, định mức xây dựng trên nguyên tắc phù hợp với khối lượng công việc, nhiệm vụ quản lý và hoạt động thường xuyên của bộ máy cán bộ cấp xã theo quy định.
	UBND huyện Sóc Sơn	QLNN	Đối với chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: Đề nghị Thành phố xem xét và tính toán tăng hệ số đặc thù cho các huyện có địa bàn hành chính rộng và xa trung tâm Thành phố. Vì kinh phí đảm bảo cho các hoạt động chung của cơ quan điều hành thuộc các huyện này sẽ lớn hơn so với các quận, huyện có địa bàn hành chính nhỏ hơn và gần trung tâm hơn.	Hoạt động của cơ quan hành chính Đảng, đoàn thể ở các quận, huyện được xây dựng theo tiêu chí biên chế. Riêng các cơ quan điều hành chung gồm: Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy; VP UBND quận, huyện, thị xã và UBMTTQ quận, huyện thị xã để điều hành chung hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, hội đặc thù thì định mức cao hơn các cơ quan hành chính là phù hợp thực tiễn ở địa phương (Tăng 30% so với định mức của cơ quan hành chính).
	UBND quận Long Biên	QLNN	Đối với định mức khoán biên chế: Đề nghị Sở Tài chính làm rõ việc xây dựng định mức đối với các đơn vị chung như Văn phòng HĐND, UBND và văn phòng Quận ủy (theo dự thảo dự kiến 62 triệu đồng/biên chế/năm) đã tính đến việc các đơn vị thực hiện khoán sử dụng xe công theo hướng dẫn của Thành phố hay chưa (Theo tính toán: Mức bình quân khoán chi 200 triệu đồng/năm)	Dự thảo định mức chi hoạt động thường xuyên theo biên chế các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước (kể thừa giai đoạn 2011-2015) trong đó có bao gồm kinh phí chi phục vụ công tác chuyên môn (xăng xe, sửa chữa...). Khi thực hiện khoán sử dụng xe công theo chỉ đạo của Thành phố sẽ trên cơ sở định mức được giao và xây dựng phương án thực hiện cụ thể theo quy định.
2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề			
	Sở GD&ĐT; UBND các quận Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ, Long Biên, huyện Đan Phượng.	SNGD	Đề xuất điều chỉnh Định mức trên mỗi học sinh đối với các cấp học.	Sở Tài chính đã phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát các cơ sở pháp lý và thực tiễn để xây dựng định mức phân bổ cho các cấp học giai đoạn 2017-2020 đảm bảo quy định của Trung ương; từ đó đã điều chỉnh định mức cho phù hợp, đồng thời đảm bảo khả năng cân đối ngân sách.
		SNGD	Đề nghị tăng mức tối thiểu chi khác của hoạt động sự nghiệp giáo dục để phù hợp với mặt bằng tăng chung của các sự nghiệp khác và đảm bảo đủ để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường, chi cho các chế độ chính sách mới trong giai đoạn 2011-2015.	Định mức chi khác của sự nghiệp giáo dục theo như dự thảo đã tính đủ các khoản kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mới trong giai đoạn 2011-2016, tỷ lệ tăng chi số giá tiêu dùng bình quân hàng năm. Tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Dự thảo đã điều chỉnh lại định mức lĩnh vực giáo dục đảm bảo cơ cấu chi khác theo đúng định mức quy định
		SNGD	Đối với các trường có số học sinh nhỏ không đảm bảo cơ cấu chi theo định mức trong Dự thảo. Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu áp dụng hệ số k đối với định mức trên đầu học sinh với các trường hợp trên.	Mức chi khác của các cấp học được xác định cụ thể theo chỉ tiêu học sinh. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.
3	Lĩnh vực y tế			
	UBND quận Long Biên	YT	Đối với định mức sự nghiệp Y tế: Cần xem xét, tính toán thêm nhiệm vụ chi cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các Trạm y tế, TT YT do theo phân cấp tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của Thành phố giao cho Quận quản lý đầu tư, cải tạo, sửa chữa.	Đã tiếp thu trong dự thảo, định mức đảm bảo kinh phí duy tu, duy trì, cải tạo, sửa chữa thường xuyên; trường hợp cải tạo, sửa chữa lớn phải lập dự án và sử dụng từ nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn khác của quận theo phân cấp.
	UBND Thị xã Sơn Tây	YT	Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình: Đề nghị tăng định mức chi công tác phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, VSATP lên 6.000đ/người dân/năm. Vì vòng tác VSATTP đang được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo.	Định mức chi chi công tác phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, VSATP theo như dự thảo là 5.000 đồng/người dân/năm đã bao gồm các khoản kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mới trong giai đoạn 2011-2016, tỷ lệ tăng chi số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8% cơ bản đáp ứng nhiệm vụ được Thành phố phân cấp cho quận, huyện, thị xã.
4	Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch			
	Sở Du lịch	DL	Đề nghị bổ sung định mức phân bổ theo chương trình du lịch hàng năm của các quận, huyện, thị xã	Định mức phân bổ cho sự nghiệp du lịch theo tiêu chí dân số được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa giai đoạn 2011-2015, được tính toán để tạo nguồn kinh phí cho các quận, huyện, thị xã chủ động triển khai thực hiện.

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	UBND quận Ba Đình	DL	Hợp nhất tên gọi “Định mức hoạt động sự nghiệp văn hoá, du lịch” ở cấp quận, huyện với định mức là 10.000đ/người dân/năm (tăng thêm so với định mức giai đoạn 2010-2016 là 2.000đ/người dân/năm kinh phí duy tu, bảo trì các di tích).	Trong dự thảo đã quy định cụ thể định mức chi hoạt động của từng sự nghiệp văn hóa (8.000 đồng/người dân), thể thao (6.000 đồng/người dân), du lịch (2.500 đồng/ người dân) để tạo nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp VH-TT, thể thao và du lịch.
	UBND huyện Thanh Trì	DL	Định mức phân bổ ngân sách của sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch cấp quận, huyện: Đề án dự kiến định mức phân bổ cho hoạt động sự nghiệp văn hóa giai đoạn 2017-2020 là 8.000 đồng/người dân/năm tăng 2.000 đồng/người dân/năm so với giai đoạn 2011-2016. Tuy nhiên định mức của giai đoạn ổn định mới lại phải đảm bảo một phần kinh phí công tác duy tu, duy trì các di tích theo quy định của Luật Di sản đối với các di tích theo phân cấp quản lý hiện hành. Như vậy sẽ rất khó để đảm bảo thực hiện vì các di tích lịch sử đã được cấp hạng và công nhận khi thực hiện duy tu, duy trì đòi hỏi kinh phí lớn trong khi với định mức tăng thêm là 2.000 đồng/dân/năm thì các quận, huyện chỉ tăng được khoảng từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng kinh phí hoạt động của lĩnh vực này (tính theo dân số trung bình của huyện Thanh Trì năm 2016 là hơn 240.000 dân). Do đó, kính đề nghị Sở Tài chính xem xét lại dự kiến định mức chi của sự nghiệp văn hóa giai đoạn 2017-2020.	Định mức đảm bảo một phần kinh phí công tác duy tu, duy trì di tích theo quy định của Luật di sản và phân cấp của Thành phố (Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND), kinh phí Trung ương phân bổ...
	UBND Thị xã Sơn Tây, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm	DL	Đề nghị giữ nguyên hoạt động sự nghiệp du lịch. Đây là một nội dung trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đang được Thành phố và các cấp chỉ đạo thực hiện.	Đã tiếp thu, dự thảo định mức chi hoạt động sự nghiệp du lịch là 2.500 đồng/ người dân/năm
5	Lĩnh vực thông tin, truyền thông			
	Sở Thông tin và Truyền thông	TTTT	Đề nghị bổ sung sự nghiệp thông tin truyền thông cho khối quận, huyện, thị xã và dự kiến định mức đó là 2.000 đồng/người dân/năm.	Các nội dung chi về công nghệ thông tin tại các quận, huyện, thị xã không lớn, được cân đối trong kinh phí các lĩnh vực sự nghiệp tương ứng và chi khác.
6	Lĩnh vực phát thanh truyền hình			
	UBND huyện Thường Tín, Phúc Thọ, Đan Phượng	PTTH	Đề nghị bổ sung thêm Định mức phân bổ hoạt động sự nghiệp phát thanh, truyền hình. Định mức đã phân bổ cho nội dung này năm 2011 là 600.000.000 đồng/đai/năm.	Đã tiếp thu, trong dự thảo xây dựng định mức chi hoạt động sự nghiệp phát thanh, truyền hình.
7	Lĩnh vực đảm bảo xã hội			
	UBND quận Hoàn Kiếm	ĐBXH	Sự nghiệp đảm bảo xã hội: đề nghị chi hoạt động xã hội không tính định mức mà tính theo thực tế và chế độ chi.	Trong Dự thảo đã quy định Chi đảm bảo xã hội gồm hai phần: Đối với khoản chi cho các đối tượng xã hội, Dự thảo đã đề xuất tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi; Đối với hoạt động đảm bảo xã hội vì lợi ích chung của cộng đồng, Dự thảo đề xuất định mức chi theo tiêu chí dân số.
8	Lĩnh vực Quốc phòng			

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	UBND quận Ba Đình, Sơn Tây	QP	Đề nghị thành phố rà soát tăng định mức chi quốc phòng cấp quận, huyện; đảm bảo định mức chi Luật dân quân tự vệ theo quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ do định mức đưa ra trong dự thảo không đáp ứng đầy đủ các nhiệm vụ chi quốc phòng địa phương. UBND quận Ba Đình đề xuất tăng định mức chi quốc phòng là: 17.500đ/người dân/năm.	Định mức phân bổ ngân sách cho lĩnh vực quốc phòng các quận, huyện, thị xã đã được xây dựng theo nguyên tắc có tính bổ sung tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011-2015 là 21,8% và tăng cường kinh phí theo Chương trình 05-Ctr/TU của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới; đảm bảo kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ
9	Lĩnh vực An ninh			
	UBND huyện Hoài Đức, Thạch Thất	AN	Kinh phí chi trợ cấp Lực lượng DQTV và phụ cấp trực sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng Công an xã cần tách sang phần bổ sung ngoài định mức (hoặc xác định cụ thể trong quỹ tiền lương, phụ cấp của các bộ cấp xã).	Kinh phí trợ cấp cho lực lượng DQTV và phụ cấp trực sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng Công an xã đã được tính trong định mức chi thường xuyên khác theo dân số để tạo nguồn cho ngân sách xã phường khi phân bổ dự toán cho lĩnh vực an ninh.
	UBND huyện Thường Tín	AN	Đề nghị xem xét bổ sung thêm kinh phí cho nội dung chi hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn các quận, huyện.	Tiếp thu ý kiến của Huyện, đã điều chỉnh định mức chi an ninh theo dân số, trong đó có nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy và chi khác ngân sách quận, huyện.
	UBND quận Đống Đa	AN	Tiền công lực lượng tự quản ở các quận nói chung và quận Đống Đa nói riêng hình thành từ năm 2011 đến nay để giúp cho chính quyền phường công tác quản lý trật tự đô thị và văn minh đô thị. Các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể nên rất lúng túng. Hiện nay tiền công lực lượng tự quản giao 21 phường của quận Đống Đa năm 2016 là 329 người x 2.000.000đ/ người x12 = 7.896.000.000 đồng. Đề đảm bảo thống nhất trong thành phố tiền công chi và cách hạch toán ở sự nghiệp nào, đề nghị trong đề án định mức phân bổ 2017- 2020 ghi rõ nội dung này.	Kinh phí hoạt động tự quản của phường theo quy định hiện hành được tính trong định mức chi thường xuyên khác theo dân số đã tạo nguồn cho ngân sách phường khi phân bổ dự toán cho các lĩnh vực chi sự nghiệp, chi quốc phòng, an ninh (trong đó có lực lượng tự quản)
	UBND Thị xã Sơn Tây	AN	Đề nghị thành phố bổ sung định mức chi đảm bảo công tác phòng chống ma túy, tội phạm, mại dâm. Vì nội dung nay hiện nay không được Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, song thực tế các địa phương vẫn đang phải thực hiện.	Đã tiếp thu và điều chỉnh trong định mức phân bổ ngân sách chi lĩnh vực an ninh và đảm bảo xã hội của cấp quận, huyện, thị xã.
	UBND quận Hoàn Kiếm	AN	Đề nghị bổ sung định mức chi đảm bảo nhiệm vụ chi công tác phòng cháy chữa cháy.	Nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy là một nội dung trong lĩnh vực an ninh. Dự thảo đã bổ sung nội dung chi PCCC vào nhiệm vụ chi của lĩnh vực an ninh và điều chỉnh định mức chi an ninh phù hợp với các nhiệm vụ chi thực tế và khả năng ngân sách.
10	Lĩnh vực kinh tế			
	UBND huyện Sóc Sơn, Đan Phượng	KT	Đối với định mức chi sự nghiệp kinh tế: Đề nghị Thành phố xem xét phân bổ thêm kinh phí đặc thù cho các huyện có rừng, bãi rác, hệ thống đê điều lớn. Vì kinh phí đảm bảo cho công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng chống lụt bão; hỗ trợ phát triển sản xuất các xã bị ảnh hưởng của bãi rác là tương đối lớn.	Sự nghiệp kinh tế bao gồm rất nhiều lĩnh vực: giao thông vận tải, nông lâm thủy lợi, công tác khuyến công, thị chính, quy hoạch... Mỗi quận, huyện, thị xã có yếu tố đặc thù khác nhau. Khi xây dựng định mức, dự thảo đã tính chung cho tất cả yếu tố; do vậy đề xuất giữ nguyên như dự thảo.
	UBND quận Đống Đa, Tây Hồ	KT	Dự thảo Thành phố dự kiến cho các quận là 6%. Đề nghị: Thành phố bố trí cho các quận là 8% trên tổng số chi thường xuyên của 9 lĩnh vực chi thường xuyên vì theo Quyết định số 41/2016/QĐ- UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế- xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó: cấp quận quản lý đường có mặt cắt từ 16 trở xuống và toàn bộ vỉa hè	Theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ- UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội, một số nội dung sẽ chuyển từ cấp Quận về Thành phố quản lý như: cây xanh, chiếu sáng... nên kinh phí sẽ giảm so với giai đoạn 2011-2015 là phù hợp với phân cấp quản lý hạ tầng, KT-XH từ năm 2017.
	UBND quận Long Biên	KT	Đối với chi sự nghiệp Kinh tế: Cần xem xét sự hợp lý của việc tính toán theo tỷ lệ %; Kiến nghị xem xét việc bố trí theo đầu nhiệm vụ chi vì các nhiệm vụ thuộc sự nghiệp này rất rõ nội dung và quy mô.	Định mức chi SNKT tính theo tỷ lệ % tổng chi thường xuyên của 9 lĩnh vực chi thường xuyên là phù hợp, tạo nguồn để các quận, huyện phân bổ dự toán cho các nhiệm vụ chi SNKT được phân cấp vì quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn là một cấp ngân sách thực hiện theo quy định của Luật NSNN.
	UBND huyện Đan Phượng	KT	Đề nghị hỗ trợ đặc thù do có nhiệm vụ của TP giao: Bãi rác xã Phương Đình, nhà máy nước Liên Hồng, Bãi chứa phế thải rắn xây dựng xã Trung Châu và vườn ươm Song Phượng.	Phương pháp xác định định mức chi sự nghiệp môi trường đã tính trên cơ sở các tiêu chí về dân số và khối lượng hệ đường quản lý. Định mức phân bổ không bao gồm kinh phí đối với các bãi xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt do cấp huyện quản lý (sẽ được phân bổ kinh phí trực tiếp đối với các huyện tính theo công suất thực tế của bãi).

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
11	Lĩnh vực môi trường			
	UBND quận Tây Hồ	MT	Đối với sự nghiệp môi trường Quận Tây Hồ có đặc thù Hồ Tây chiếm diện tích phần lớn, dân số trên địa bàn theo con số thống kê năm 2017 là 168.025 người, mật độ dân số tập trung ở các tuyến phố chính tương đồng so với quận Ba Đình. Để đảm bảo công tác duy trì trên địa bàn quận, đề nghị Sở Tài chính trong quá trình xây dựng định mức thu gom vận chuyển rác thải áp dụng tính điểm theo tiêu chí dân số áp dụng $K = 1,5$ cho UBND quận Tây Hồ.	Phương pháp xác định định mức chi sự nghiệp môi trường đã tính trên cơ sở các tiêu chí về dân số và khối lượng hệ đường quản lý đảm bảo nguyên tắc xây dựng định mức. Hệ số k được tính dựa trên cơ sở lượng rác bình quân của 01 người/ngày.
	UBND Thị xã Sơn Tây	MT	Theo định mức phân bổ chưa có thị xã Sơn Tây, đề nghị thành phố bổ sung thị xã Sơn Tây vào nhóm các quận còn lại (Hệ số $K=1,3$) để tính điểm.	Đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo
	UBND quận Long Biên	MT	Đối với chi sự nghiệp Môi trường: Xem xét tính toán đủ định mức, phù hợp khả năng cân đối ngân sách các cấp trên cơ sở phạm vi, đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt để đầu tư tập trung.	Dự thảo định mức chi SNMT đã bao gồm nội dung ý kiến của Quận
12	Khác			
	UBND huyện Sóc Sơn		Đề nghị Thành phố xem xét dành riêng nội dung chi hỗ trợ mua thẻ BHYT và khám chữa bệnh cho người dân sống trong vùng ảnh hưởng của bãi rác Nam Sơn.	Nội dung này đã được tính bổ sung ngoài định mức
	UBND huyện Thạch Thất		Đề nghị bổ sung vào nội dung các khoản bổ sung ngoài định mức phụ cấp đại biểu HĐND và phụ cấp cấp ủy vì trong đề án không nêu đối với các đối tượng này.	Tiếp thu ý kiến, tính bổ sung các khoản phụ cấp, đóng góp của đối tượng CBCC xã theo chính sách hiện hành của Nhà nước
	UBND Thị xã Sơn Tây		Theo quy định của Thành phố hàng năm ngân sách các cấp phải trích từ ngân sách cấp mình để hỗ trợ quỹ cho Hội nông dân và Quỹ cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Vì vậy đề nghị Thành phố có cơ chế định mức để tạo nguồn thực hiện các nhiệm vụ trên theo chỉ đạo của UBND thành phố.	Việc trích từ ngân sách hỗ trợ quỹ cho Hội nông dân và Quỹ cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác là tùy thuộc vào khả năng cân đối của ngân sách quận, huyện, thị xã. Ngân sách Nhà nước không quy định định mức chi chỉ nhiệm vụ này.
	UBND quận Hoàn Kiếm		Đề nghị quan tâm xem xét đặc thù của địa phương (Quận Hoàn Kiếm là quận trung tâm có mật độ dân số, hạ tầng đô thị và tình hình ANTT, ATXH phức tạp hơn các quận, huyện khác). Việc tính định mức chi phải đảm bảo đủ kinh phí chi phụ cấp, trợ cấp, thù lao, bồi dưỡng cho con người theo quy định, tránh việc kinh phí bố trí theo định mức không đủ đảm bảo chế độ chi cho con người.	Định mức đang xây dựng theo nguyên tắc kế thừa kết quả đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2011-2015, trong đó có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế; Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mới ban hành; đảm bảo chế độ tiền lương theo quy định hiện hành của Chính phủ và phù hợp quy định phân cấp hạ tầng, KT-XH của Thành phố tại Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND. Định mức dự thảo đã kế thừa giai đoạn (không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp...).
	UBND quận Hoàn Kiếm		Đề nghị xem xét tính đặc thù của quận Hoàn Kiếm để áp dụng hệ số trên một số lĩnh vực: giáo dục ($K=1,5$); an ninh ($K=1,5$); sự nghiệp môi trường ($K=2$).	Định mức đang xây dựng theo nguyên tắc kế thừa kết quả đạt được của hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2011-2015, trong đó có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế; Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mới ban hành;
C	ĐỊNH MỨC CẤP XÃ			
1	Định mức chi cho bộ máy			
	UBND quận Hai Bà Trưng, Sơn Tây, Long Biên, Hoàn Kiếm	Biên chế	Giao khoán biên chế cần chia thành 2 nhóm: Nhóm cán bộ chuyên trách và nhóm cán bộ không chuyên trách do đặc thù về công việc, tính chịu trách nhiệm giữa hai nhóm cán bộ là khác nhau, dẫn đến mức khoán chi sẽ khác nhau, trong đó mức khoán cán bộ chuyên trách cao hơn không chuyên trách, tiệm cận mức khoán biên chế đối với cấp Quận do khối lượng công việc của phường phức tạp, khối lượng lớn. Tính riêng định mức chi khác cho 2 đối tượng. Hoạt động chi khác của cán bộ không chuyên trách ở xã chỉ nên tính bằng 60% định mức chi của cán bộ, công chức cấp xã. Tăng định mức khoán.	Đã tiếp thu ý kiến một số quận, huyện trong dự thảo. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên đối với Cán bộ, công chức cấp xã là 38 triệu đồng/biên chế và Người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 20 triệu đồng/biên chế, định mức xây dựng trên nguyên tắc phù hợp với khối lượng công việc, nhiệm vụ quản lý và hoạt động thường xuyên của bộ máy cán bộ cấp xã theo quy định.

STT	Đơn vị	Lĩnh vực	Ý kiến đóng góp	Giải trình của Sở Tài chính
	UBND quận Long Biên		Đối với định mức chi cho công tác Quốc phòng – An ninh: Trong giai đoạn 2011-2015, định mức chi này của ngân sách phường không đủ đáp ứng do các thay đổi về chính sách Quốc phòng quân sự địa phương, Dân quân tự vệ, triển khai các lực lượng tự quân, trật tự.... Do đó trong giai đoạn mới, việc xây dựng định mức chi cần tính toán đến những thay đổi trên để đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ chi.	Định mức chi ngân sách cấp xã đã xây dựng trên nguyên tắc chi hoạt động thường xuyên khác, các sự nghiệp và chi an ninh, quốc phòng theo chế độ chính sách hiện hành (trong đó có chế độ mới theo quy định tại Nghị định 73/2009/NĐ-CP và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Đã tiếp thu, trong dự thảo xây dựng định mức phân bổ ngân sách chi quốc phòng đối với các quận, huyện có số dân từ 200.000 người trở lên là 13.000 đồng/người dân/năm và tăng thêm hệ số đối với các quận, huyện có số dân dưới 200.000 là 1,2 và đối với các quận, huyện có số dân dưới 150.000 người là 1,5. Định mức phân bổ ngân sách chi an ninh đối với các quận, huyện có số dân từ 20.000 người trở lên là 11.000 đồng/người dân/năm và tăng thêm hệ số đối với các quận, huyện có số dân dưới 200.000 là 1,2 và đối với các quận, huyện có số dân dưới 150.000 người là 1,5.
	UBND quận Long Biên		Đề nghị Sở Tài chính cân nhắc, tính toán điều chỉnh định mức chi nội dung trên cho phù hợp trong giai đoạn 2017-2020. Trong đó có thể nghiên cứu thực hiện theo phương án phân nhóm phường, xã theo số tổ, thôn tương ứng các định mức khác nhau. Đồng thời nên tách rõ định mức chi hoạt động và phần hỗ trợ tiền bồi dưỡng cho các vị trí tại tổ dân phố theo quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 06/08/2013 của UBND Thành phố để đảm bảo đủ kinh phí thực hiện.	Sở Nội vụ và Sở Tài chính đang phối hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phân loại xã, thôn, tổ dân phố theo Đề án của Thành ủy và chỉ đạo của UBND Thành phố.

Số: /2016/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà nội giai đoạn 2017-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 03

(Từ ngày đến ngày tháng 12 năm 2016)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày / /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội và Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2016 về định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017-2020 của UBND Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về các nội dung sau:

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội (quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này).

2. Định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 (quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này).

1.12. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định), do các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thu, nộp (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường);

1.13. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do cơ quan Thành phố quyết định, nộp ngân sách;

1.14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố xử lý;

1.15. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

1.16. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

1.17. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất do Thành phố quản lý;

1.18. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp Thành phố;

1.19. Thu kết dư ngân sách cấp Thành phố;

1.20. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí);

2.3. Thuế thu nhập cá nhân;

2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết);

2.5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);

2.6. Tiền sử dụng đất các dự án giao đất (ngoài dự án di dời theo theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg). Tiền đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất quy mô diện tích từ 5000 m² trở lên hoặc dưới 5000 m² tiếp giáp với đường, phố.

2.7. Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác;

3. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp Thành phố;

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau;

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá, hoặc chỉ xã hội hoá được một phần thuộc Thành phố quản lý. Cụ thể gồm các lĩnh vực:

1.1 Đầu tư lĩnh vực thủy lợi

Ngân sách cấp Thành phố chi đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi do Thành phố quản lý (công trình đầu mối; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh...).

1.2 Đầu tư lĩnh vực đê điều

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.

1.3. Đầu tư lĩnh vực lâm nghiệp

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

1.4. Đầu tư lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình, dự án phát triển cơ sở sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

1.5. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước

Đầu tư xây dựng mới công viên (bao gồm cả hồ nước trong công viên) và vườn hoa lớn, quan trọng do Thành phố quản lý.

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, quảng trường, trên hệ thống đường do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư lĩnh vực giao thông

a. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ (lòng đường, lề đường, hè, giải phân cách, cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các công trình đường bộ khác) gồm: đường cao tốc, đường quốc lộ do trung ương bàn giao về Thành phố quản lý; đường tỉnh lộ; các đường vành đai, đường trên cao; đường đô thị từ cấp đường khu vực (theo QCVN 07-4:2016/BXD) có bề rộng mặt cắt ngang đường từ 16 m trở lên; các đường chính đi qua địa bàn từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.

b. Đầu tư trạm thu phí, trạm kiểm tra trọng tải xe, hệ thống điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trên hệ thống đường bộ thuộc thành phố quản lý.

c. Đầu tư hệ thống đường sắt đô thị.

1.7. Đầu tư công trình bến xe ô tô, bãi đỗ xe, điểm đón trả khách, trạm dừng nghỉ (không gồm các dự án xã hội hóa), gồm:

a. Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng (đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ;

điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa) và các bến xe phục vụ công cộng;

b. Đầu tư toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường thành phố quản lý;

c. Đầu tư các bãi đỗ xe công cộng cấp Thành phố quản lý theo quy hoạch.

1.8. Đầu tư công trình bãi, bến cảng thủy

Đầu tư toàn bộ các công trình hạ tầng đường thủy nội địa cấp Thành phố quản lý, cảng, bến hàng hoá, bến hành khách thuộc đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.

1.9. Đầu tư công trình chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng (bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị) trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý sau đầu tư.

1.10. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mở rộng đồng bộ các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung trên địa bàn Thành phố, gồm: các khu liên hợp xử lý chất thải: Sóc Sơn; Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây; Đồng Ké và Núi Thoong, huyện Chương Mỹ và các khu xử lý chất thải, đất thải tập trung khác của Thành phố theo quy hoạch.

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các trạm trung chuyển chất thải phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải thuộc trách nhiệm của Thành phố.

1.11. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp:

- Hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do Thành phố đầu tư trên địa bàn Thành phố.

- Hệ thống thoát nước liên khu vực (bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị) không gắn trực tiếp với đường theo danh mục Thành phố phê duyệt.

- Hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố.

1.12. Đầu tư công trình Văn hoá - Thể thao

a. Đầu tư bảo tồn các công trình, dự án bảo tàng, điện ảnh, thư viện Thành phố quản lý;

b. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa và Nhà thi đấu thể thao cấp Thành phố; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao; Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên; Cung thiếu nhi Hà Nội.

c. Đầu tư tu bổ, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích quan trọng do Thành phố trực tiếp quản lý: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám; Di tích Bác Hồ ở Vạn Phúc-Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thợ Nhuộm; cụm di tích Đền Bà Kiệu, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) do Thành phố quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

d. Đầu tư tu bổ các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cách mạng kháng chiến do cấp huyện đang quản lý và các di tích quốc gia đặc biệt khác (nếu có) khi Thành phố giao cấp huyện quản lý sau khi được xếp hạng, công nhận.

e. Hỗ trợ một phần để đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia do cấp huyện đang quản lý.

g. Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hóa do Thành phố quản lý.

1.13. Đầu tư công trình Giáo dục - Đào tạo

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các trường công lập gồm: trường đại học Thủ đô, các trường cao đẳng; trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục, Trường đào tạo cán bộ; các trường trung cấp chuyên nghiệp; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường, cơ sở thực hành sư phạm.

1.14. Đầu tư công trình y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các Bệnh viện (bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố và tuyến huyện), Trung tâm chuyên khoa, Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Trung tâm Y tế Dự phòng.

1.15. Đầu tư công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước

a. Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, khu liên cơ quan thuộc Thành phố quản lý; trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp Thành phố;

b. Đầu tư xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính cấp huyện và xây mới trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

1.16. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ

a. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Các nghĩa trang cấp Thành phố, có phạm vi phục vụ từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, gồm: Mai Dịch, Nhôn, Ngọc Hồi, Văn Điển, Yên Kỳ, Thanh Tước, Sài Đồng, Vĩnh Hằng (phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý); nghĩa trang liệt sỹ người Trung Quốc tại Xuân Mai-Chương Mỹ; các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.

b. Đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, các nhà tang lễ cấp Thành phố.

1.17. Đầu tư các dự án Tài nguyên - Môi trường

a. Đầu tư công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường.

b. Đầu tư công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi 2 xã trở lên.

c. Đầu tư các dự án đo vẽ bản đồ, chỉnh lý bản đồ.

1.18. Đầu tư các công trình kho tàng: các công trình thuộc hệ thống kho tàng; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Thành phố.

1.19. Đầu tư công trình lĩnh vực thông tin và truyền thông: các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thành phố.

1.20. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.

a. Đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ, Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ phẩm, chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trạm trại thực nghiệm của thành phố quản lý.

b. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã).

1.21. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận (không bao gồm hạ tầng đất xen kẹt, nhỏ lẻ có diện tích nhỏ hơn 5000m² nhưng không tiếp giáp đường, phố).

1.22. Đầu tư công trình thuộc lĩnh vực xã hội

Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe, cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

1.23 Đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại: các quận, thị xã Sơn Tây; các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố.

- Hỗ trợ theo chính sách đầu tư nước sạch nông thôn khi triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn tại các huyện, thị xã Sơn Tây.

1.24. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp Thành phố theo quy định của pháp luật⁽²⁾.

² Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân Sách năm 2015.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do cấp Thành phố quản lý:

- Giáo dục trung học phổ thông công lập; trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; trường mầm non (do Thành phố quản lý); trường chuyên biệt và sự nghiệp giáo dục khác do Thành phố quản lý;

- Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị; đào tạo nghề và các hình thức đào tạo khác của Thành phố;

2.2. Các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ do cấp Thành phố quản lý:

- Nghiên cứu, thực hiện chương trình, đề tài khoa học cấp Thành phố; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ khác;

- Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố

2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội cấp thành phố.

2.4. Các hoạt động sự nghiệp y tế do cấp Thành phố quản lý gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

2.5. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp Thành phố quản lý:

- Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (các hoạt động của Trung tâm văn hóa; Nhà văn hóa; Cung Văn hóa thể thao thanh niên Thành phố; Nhà văn hóa học sinh, sinh viên; Cung thiếu nhi Hà Nội;...);

- Các hoạt động thông tin của Thành phố quản lý và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.6. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh truyền hình do cấp Thành phố quản lý.

2.7. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp Thành phố quản lý gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp Thành phố, hoạt động của các cơ sở thể dục, thể thao và hoạt động thể thao quần chúng của Thành phố;

2.8. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý.

- Quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung; các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.

- Sự nghiệp môi trường tại khoản 1 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13

2.9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp Thành phố quản lý

- Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì (bao gồm cả lắp đặt các trang thiết bị phục vụ tổ chức giao thông, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông) hệ thống đường bộ theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố. Quản lý tổ chức giao thông trên địa bàn Thành phố;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy tu, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp Thành phố quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của Thành phố;

- Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của Thành phố;

- Sự nghiệp thị chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ và các sự nghiệp thị chính khác theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;

- Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do Thành phố đầu tư.

- Công tác quy hoạch; đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác theo phân cấp;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.10 Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và Thành phố cho các đối tượng thuộc cấp Thành phố quản lý.

2.11. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do Thành phố quản lý, bao gồm:

- Hoạt động của Văn phòng Thành ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy;

- Hoạt động của HĐND Thành phố;

- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động của các Sở, Ban, Ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc Thành phố.

2.12. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố; Hội Cựu chiến binh Thành phố; Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố; Hội Nông dân Thành phố.

2.13. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp Thành phố theo quy định của pháp luật.

2.14. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp Thành phố quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

2.15. Chỉ thường xuyên các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương thực hiện.

2.16. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do Thành phố vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của Thành phố.

5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố năm trước sang ngân sách năm sau.

6. Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013.

B. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ.

I- Nguồn thu của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã gồm:

1. Các khoản thu ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng 100% gồm:

1.1. Thuế tài nguyên từ các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất;

1.2. Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh;

1.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ các doanh nghiệp, tổ chức, nông trường, trạm trại;

1.4. Tiền sử dụng đất đối với loại đất có quy mô diện tích dưới 5000 m² (nhỏ, lẻ, xen kẹt) không tiếp giáp với đường, phố và tiền đất khác

1.5. Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)

1.7. Thu từ bán tài sản thuộc cấp huyện quản lý;

1.8. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận, huyện, thị xã theo quy định của pháp luật;

1.9. Các khoản phí, lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định) do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã quản lý thu (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường);

1.10. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do cấp huyện thực hiện và quản lý;

1.11. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã xử lý.

1.12. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho quận, huyện, thị xã;

1.13. Thu kết dư ngân sách cấp quận, huyện, thị xã;

1.14. Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý;

1.15. Thu khác theo quy định của pháp luật

2. Các khoản thu phân chia ngân sách cấp quận, huyện, thị xã được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) gồm:

2.1. Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu).

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

2.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (không kể thuế TTĐB hàng nhập khẩu).

2.4. Thuế thu nhập cá nhân giao quận, huyện, thị xã quản lý thu;

2.5. Tiền sử dụng đất các dự án giao đất (ngoài dự án di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg) và đấu giá quyền sử dụng đất đối với loại đất có quy mô diện tích từ 5000 m² trở lên hoặc đất dưới 5000 m² tiếp giáp với đường, phố.

2.6. Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác; Lệ phí trước bạ nhà đất.

3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên;

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau;

II- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã

1. Chi đầu tư phát triển

Ngân sách quận, huyện, thị xã Sơn Tây chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội không có khả năng thu hồi vốn, không có khả năng xã hội hoá thuộc lĩnh vực phân cấp cho quận, huyện, thị xã trên địa bàn. Cụ thể các lĩnh vực đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, bao gồm:

1.1. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các tuyến đê (kể cả công trình trên đê) từ cấp IV trở xuống và các tuyến đê chưa phân cấp trên địa bàn.

1.2. Đầu tư lĩnh vực Lâm nghiệp: Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên địa bàn theo chính sách hiện hành của nhà nước.

1.3. Đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước

Đầu tư xây dựng mới công viên (gồm cả hồ nước trong công viên), vườn hoa còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố đầu tư.

Đầu tư trồng mới cây xanh, thảm cỏ trong các khu vực công cộng, trên hệ thống đường do cấp huyện đầu tư.

1.4. Đầu tư lĩnh vực giao thông

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường bộ còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố đầu tư

1.5. Đầu tư bãi đỗ xe: Đầu tư hạ tầng bãi đỗ xe tập trung để phục vụ công cộng còn lại trên địa bàn, trừ những bãi đỗ xe tập trung do Thành phố đầu tư.

1.6. Đầu tư công trình, dự án chiếu sáng công cộng

Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư.

Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp huyện quản lý sau đầu tư.

1.7. Đầu tư công trình vệ sinh môi trường

a. Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện.

b. Đầu tư các công trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trong phạm vi nội huyện.

1.8. Đầu tư công trình thoát nước

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do cấp huyện đầu tư; và hệ thống thoát nước còn lại, trừ hệ thống thoát nước do Thành phố đầu tư.

1.9. Đầu tư lĩnh vực Văn hoá - Thể thao:

a. Đầu tư các nhà văn hoá, các trung tâm văn hoá thể thao, nhà thi đấu thể thao, nhà văn hoá thanh- thiếu nhi cấp huyện; nhà văn hoá xã, phường; nhà văn hoá thôn, tổ dân phố, khu dân cư, khu vui chơi cộng đồng.

b. Đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn lại trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp đầu tư.

1.10. Đầu tư lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp các trường công lập gồm: trường trung học cơ sở (trừ các trường do cấp Thành phố quản lý); trường chuyên biệt cấp huyện; trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non (trừ các trường, cơ sở thực hành sư phạm do Thành phố quản lý); trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; trung

tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, thị xã; các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề cấp huyện có tên gọi khác.

1.11. Đầu tư lĩnh vực y tế:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp: Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn); trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã.

1.12. Đầu tư lĩnh vực Quản lý nhà nước:

a. Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể quận, huyện, thị xã.

b. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể cấp xã; trụ sở hoặc nơi làm việc của công an và quân sự xã.

1.13. Đầu tư công trình phục vụ tang lễ: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang, nhà tang lễ còn lại ngoài các nghĩa trang, nhà tang lễ Thành phố đầu tư trên địa bàn (gồm các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, đài liệt sỹ cấp huyện và xã).

1.14. Đầu tư lĩnh vực Thông tin và truyền thông: Các công trình, dự án phục vụ hoạt động phát thanh, truyền thanh cấp huyện, xã.

1.15. Đầu tư các công trình ứng dụng khoa học công nghệ.

1.16. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, thị xã; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các quận đối với đất nhỏ lẻ, xen kẹt có diện tích dưới 5000 m² không tiếp giáp với đường phố; đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án cấp huyện.

1.17. Các khoản chi đầu tư phát triển khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật⁽³⁾.

2. Chi thường xuyên

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề do quận, huyện, thị xã quản lý:

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và sự nghiệp giáo dục khác;

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Dạy nghề, đào tạo nghề; bồi dưỡng kiến thức chính trị do Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện mở và các hình thức bồi dưỡng, đào tạo khác;

2.2. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của cấp quận, huyện.

³ Quy định tại Khoản c, mục 1, Điều 38 Luật Ngân Sách năm 2015.

2.3. Các hoạt động sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do quận, huyện, thị xã quản lý:

- Duy tu sửa chữa Trung tâm y tế cấp huyện (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn); trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình cấp quận, huyện, thị xã.

- Các hoạt động về công tác y tế (*vệ sinh phòng bệnh dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm*), dân số và kế hoạch hóa gia đình;

2.4. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện, thị xã quản lý:

- Nhà văn hóa, các cơ sở văn hóa và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý;

- Quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo trì các di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng còn lại trên địa bàn trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý sau đầu tư;

- Các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác của quận, huyện, thị xã;

2.5. Các hoạt động sự nghiệp phát thanh của quận, huyện, thị xã;

2.6. Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp quận, huyện trong thời gian tập trung thi đấu; hoạt động của các trung tâm thể dục, thể thao do quận, huyện, thị xã quản lý;

2.7. Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp của Thành phố, bao gồm:

- Quản lý, duy trì vệ sinh môi trường: quét hút; rửa đường, hè; thu gom, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác trong toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (trừ các đường cao tốc).

- Quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội huyện do cấp huyện đầu tư.

- Chi hỗ trợ ảnh hưởng môi trường cho người dân nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu xử lý rác thải tập trung theo quy định của Thành phố.

- Sự nghiệp môi trường tại khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13

2.8. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận, huyện, thị xã quản lý

- Sự nghiệp giao thông: Quản lý, duy trì, bảo trì và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, hè đường và các công trình giao thông do quận, huyện quản lý theo phân cấp quản lý sau đầu tư;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do quận, huyện quản lý; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ phát triển mô hình nông thôn mới; chi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; phòng chống lụt bão và các nhiệm vụ khác về nông-lâm-ngư nghiệp theo phân cấp quản lý sau đầu tư của Thành phố;

- Sự nghiệp thị chính :

+ Quản lý, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ), vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn, trừ các công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ Thành phố quản lý sau đầu tư

+ Các huyện và thị xã Sơn Tây: quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống thoát nước, các hồ điều hòa và hệ thống chiếu sáng công cộng còn lại trên địa bàn, trừ phần Thành phố quản lý sau đầu tư (bao gồm cả cấp điện).

- Công tác quy hoạch; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính theo phân cấp;

- Các hoạt động thương mại, du lịch theo phân cấp quản lý. Hoạt động quản lý hệ thống các chợ, các trung tâm thương mại do cấp quận, huyện quản lý theo phân cấp;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

2.9. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quận, huyện, thị xã quản lý:

- Hoạt động của Văn phòng quận, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan khác trực thuộc quận, huyện ủy, thị ủy;

- Hoạt động của HĐND quận, huyện, thị xã;

- Hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các phòng, ban và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc quận, huyện, thị xã quản lý;

2.10. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân cấp huyện;

2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp quận, huyện theo quy định của pháp luật;

2.12. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận, huyện, thị xã quản lý; hoạt động các cơ sở xã hội do quận, huyện, thị xã quản lý; phòng chống các tệ nạn xã hội, hoạt động chăm sóc trẻ em và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp;

2.13. Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ

2.14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn;

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách quận, huyện, thị xã năm trước sang ngân sách năm sau.

C. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

I. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn gồm:

1. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng 100%:

1.1. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

- 1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các hộ sản xuất;
- 1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- 1.4. Thu bán tài sản nhà nước do xã, phường, thị trấn quản lý;
- 1.5. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật;
- 1.6. Các khoản thu phí, lệ phí cho ngân sách xã, phường, thị trấn (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường).
- 1.7. Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định) do xã, phường, thị trấn thực hiện và quản lý;
- 1.8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do xã, phường, thị trấn xử lý.
- 1.9. Thu từ quỹ đất công, công ích và hoa lợi công sản do xã, phường, thị trấn quản lý;
- 1.10. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;
- 1.11. Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân cho xã, phường, thị trấn;
- 1.12. Thu kết dư ngân sách;
- 1.13. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng theo tỷ lệ phần trăm phân chia

- 2.1. Lệ phí trước bạ nhà đất.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

II. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của quận, huyện, thị xã (nếu có) và trong phạm vi ngân sách của xã, phường, thị trấn, gồm:

1.1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

1.2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo phân cấp của cấp huyện từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất được cấp lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định của pháp luật mới.

1.3. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi cho công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Thành phố:

- Chi thực hiện các chính sách chế độ đối với lực lượng công an viên, công an xã, ban bảo vệ dân phố theo Pháp lệnh Công an xã và lực lượng dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ.

- Huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và bảo đảm hoạt động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động khác;

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh và các hoạt động khác về đảm bảo an ninh trật tự.

2.2. Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục thể thao: Nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các sự nghiệp văn hóa khác.

2.3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường tại khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13.

2.4. Chi sự nghiệp kinh tế theo phân cấp gồm:

- Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các nhiệm vụ khác về quản lý Nông - lâm - ngư nghiệp;

- Quản lý đất đai, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác phân cấp cho xã, phường, thị trấn.

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

2.5. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, cơ quan quản lý Nhà nước ở xã, phường, thị trấn:

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Hỗ trợ hoạt động các thôn, tổ dân phố.

2.6. Hoạt động của Đảng ủy xã, phường, thị trấn và hỗ trợ hoạt động các chi bộ trực thuộc.

2.7. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc (kể cả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban công tác Mặt trận) và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường,

thị trấn: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân;

2.8. Hỗ trợ hoạt động các hội đặc thù theo quy định của Thành phố và các tổ chức xã hội khác của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

2.9. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động hòa giải ở cấp xã.

2.10. Chi công tác đảm bảo xã hội:

- Chi về công tác xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm và các hoạt động xã hội khác do xã, phường, thị trấn quản lý;

- Thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; trợ cấp xã hội cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do xã, thị trấn quản lý (không thuộc đối tượng chính sách, hưởng trợ cấp thường xuyên do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã cấp).

- Công tác xã hội khác như: Công tác tìm kiếm cứu nạn, trợ cấp cứu đói, hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn...

2.10. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách xã, phường, thị trấn năm trước sang ngân sách năm sau.

PHU LUC SỐ 02:
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI
NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2016 của HĐND Thành phố)

A. Định mức phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

1. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển:

(1) Tiêu chí dân số của mỗi quận, huyện, thị xã gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số.

(2) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố.

(3) Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên của các địa phương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(4) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã; số xã miền núi.

2. Định mức:

(1) Tiêu chí dân số:

- Dân số đến 40.000 người được 10 điểm.

- Dân số trên 40.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm 3 điểm.

(2) Tiêu chí dân tộc thiểu số: Cứ 400 người được 4 điểm.

(3) Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: cứ 1,3% hộ nghèo được 3,5 điểm.

(4) Thu nội địa:

- Đến 100 tỷ đồng được 3 điểm.

- Trên 100 tỷ đến 1.000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 4 điểm.

- Trên 1.000 tỷ đến 3.000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 6 điểm.

- Trên 3.000 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 9 điểm.

(5) Tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên:

- Cứ 5% điều tiết về ngân sách Thành phố được 2 điểm.

- Trên 5% đến 20%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách Thành phố được tính thêm 4 điểm.

- Trên 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách Thành phố được tính thêm 8 điểm.

(6) Diện tích đất tự nhiên:

- Đến 20 km² được 6 điểm.

- Trên 20 km² đến 50 km², cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 2 điểm.

- Trên 50 km² đến 100 km², cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 1 điểm.

- Trên 100 km², cứ 10 km² tăng thêm được tính thêm 0,5 điểm.

(7) Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/tổng diện tích tự nhiên (Theo số liệu quy hoạch đất trồng lúa của Thành phố năm 2014):

- Đến 20% không được tính điểm.
- Từ trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 0,5 điểm.
- Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 1 điểm.
- Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính 2 điểm.

(8) Số đơn vị hành chính: Mỗi xã được tính 1 điểm.

(9) Số xã miền núi: Mỗi xã miền núi được tính 0,5 điểm.

3. Cách tính điểm và phân bổ vốn đầu tư phân cấp cho các quận huyện:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 30 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

1. Điểm của tiêu chí dân số:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số dân và số người dân tộc thiểu số

- Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ i là A_i
- Gọi số điểm của số dân huyện thứ i là h_i .
- Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i.$$

2. Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 03 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo; thu nội địa; tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố

- Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo huyện thứ i là n_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa huyện thứ i là o_i .
- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách Thành phố là p_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

3. Điểm của tiêu chí diện tích:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: diện tích tự nhiên; tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/ tổng diện tích tự nhiên

- Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i .
- Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i .
- Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/tổng diện tích tự nhiên là r_i .

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = q_i + r_i$$

4. Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Điểm của tiêu chí này là tổng điểm của 02 tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã của quận huyện; số đơn vị hành chính xã miền núi của quận huyện

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i là D_i .
 - Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i là s_i .
 - Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính xã miền núi của huyện thứ i là t_i .
- Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + t_i$$

5. Tổng số điểm của quận huyện thứ i :

Gọi tổng số điểm của quận huyện thứ i là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

6. Tổng số điểm của 30 quận, huyện, thị xã là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{30} X_i$$

7. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm thu chuyển quyền sử dụng đất, đấu giá đất).

- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

8. Tổng số vốn đầu tư phân cấp cho từng quận huyện được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư phân cấp cho quận huyện thứ i (không bao gồm thu chuyển quyền sử dụng đất, đấu giá đất), thì:

$$V_i = Z \times X_i$$

Trên cơ sở định mức phân bổ nêu trên, tổng vốn đầu tư phân cấp cho quận, huyện, thị xã sẽ phụ thuộc vào tổng số điểm được tính cho từng quận, huyện, thị xã.

B. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020

I. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố giai đoạn 2017-2020

1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Cơ quan hành chính		
1	Đơn vị dự toán cấp 1		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	55.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	54.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	53.000.000
2	Đơn vị dự toán cấp 2		
	Biên chế dưới 100	Đồng/biên chế /năm	52.000.000
	Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200	Đồng/biên chế /năm	51.000.000
	Từ biên chế thứ 200 trở lên	Đồng/biên chế /năm	50.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
2	Hội Cựu Chiến Binh Thành phố	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
3	Hội Nông dân Thành phố	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM thành phố Hà Nội	Đồng/biên chế /năm	67.000.000
III	Cơ quan điều hành chung		
1	Các cơ quan thuộc Thành ủy	Đồng/biên chế /năm	73.000.000
2	Văn phòng UBND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	73.000.000
3	Văn phòng HĐND Thành phố	Đồng/biên chế /năm	73.000.000
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Đồng/biên chế /năm	73.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ chi khác đơn vị dự toán cấp I được áp dụng cho Văn phòng các sở, ban, ngành (được cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hoặc được giao biên chế) thuộc Thành phố.

b. Định mức phân bổ chi khác cho đơn vị dự toán cấp II: Là các cơ quan hành chính trực thuộc các Sở, ban, ngành của Thành phố.

c. Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Nội vụ hướng dẫn Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

d. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể, hoạt động ban vì sự tiến bộ phụ nữ và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Các khoản kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo định mức máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến¹ quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí duy tu, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản cố định.

e. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương².

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; mua ô tô, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo các Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm d nêu trên.

f. Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi khác theo định mức của cơ quan hành chính và quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế.

g. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

h. Dự toán chi khác quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo

¹ Quy định tại Mục I, II, IV Phần A và Mục I Phần B Phụ lục số 02 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

² Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế; Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

2.1. Sự nghiệp giáo dục (cấp học phổ thông):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
			Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
1	Trung học phổ thông	Đồng/học sinh/năm	7.300.000	1.800.000
2	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	Đồng/học sinh/năm	18.000.000	8.000.000
3	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Đồng/học sinh/năm	18.000.000	8.000.000
4	THPT chuyên còn lại ³	Đồng/học sinh/năm	12.000.000	5.400.000
5	Khối trường khuyết tật ⁴	Đồng/học sinh/năm	15.000.000	5.500.000
6	Trường Dân tộc nội trú ⁵	Đồng/học sinh/năm	19.200.000	8.400.000

Trong đó:

a. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác tối thiểu, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

b. Đối với các trường học nằm trên địa bàn các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, định mức phân bổ được tính tăng thêm 10% so với định mức nêu trên.

2.2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

- Đối với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, dạy nghề, Trung tâm dịch vụ việc làm, Tạp chí giáo dục Thủ đô và các Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

³ Định mức áp dụng cho học sinh chuyên học tại các trường THPT Chu Văn An, THPT Sơn Tây.

⁴ Áp dụng cho học sinh khuyết tật học tại các trường: Tiểu học Bình Minh, PTCS Nguyễn Đình Chiểu, PTCS Xã Đàn và học sinh khuyết tật học hòa nhập trong các trường thường (không phải trường chuyên biệt).

⁵ Định mức chưa bao gồm học bổng học sinh dân tộc nội trú.

- Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: dự toán kinh phí được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Thành phố và các chế độ chi hiện hành.

3. Chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Chữa bệnh		
1	Bệnh viện hạng 1	Đồng/giường bệnh/năm	55.000.000
2	Bệnh viện hạng 2	Đồng/giường bệnh/năm	45.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	- Bệnh viện Thận Hà Nội		
	+ Giường bệnh	Đồng/giường bệnh/năm	45.000.000
	+ Ca chạy thận	Đồng/ca	170.000
3	Bệnh viện hạng 3	Đồng/giường bệnh/năm	40.000.000
4	Các bệnh viện đặc thù		
4.1	Bệnh viện tâm thần Hà Nội, Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức, Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương		Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần và lập dự toán kinh phí thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT của Bộ Y tế
4.2	Khu điều trị Phong thuộc Bệnh viện Da liễu Hà Nội		
4.3	Bệnh viện 09		
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	45.000.000
	- Hoạt động bộ máy	Đồng/biên chế/năm	Áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp 2 khối cơ quan hành chính
4.4	Bệnh viện phục hồi chức năng		
	- Giường bệnh (bao gồm cả tiền ăn cho bệnh nhân theo quy định)	Đồng/giường bệnh/năm	45.000.000
	- Hoạt động bộ máy		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
5	Trung tâm Cấp cứu 115 Hà Nội		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
II	Phòng bệnh		
1	Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và các trung tâm chuyên khoa		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Phòng dịch	Đồng/người dân/năm	6.000
3	Các hoạt động sự nghiệp y tế	Đồng/người dân/năm	16.000
4	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Đồng/người dân/năm	8.000
5	Dân số, kế hoạch hóa gia đình	Đồng/người dân/năm	4.000

Trong đó:

a. Đối với các Bệnh viện hạng 1, 2, 3:

- Định mức phân bổ ngân sách trên được áp dụng cho năm 2017.

- Giai đoạn 2018 - 2020: Giá dịch vụ công theo lộ trình quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP được tính bổ sung thêm chi phí quản lý, các bệnh viện thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo phân loại đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Trường hợp giá dịch vụ y tế của thành phố Hà Nội chưa được Bộ Y tế điều chỉnh kịp thời theo lộ trình xây dựng giá tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP, ngân sách Thành phố đảm bảo phần chi phí chưa được kết cấu vào giá dịch vụ y tế tại từng thời điểm, phù hợp với từng đối tượng người bệnh có thẻ BHYT và chưa có thẻ BHYT.

b. Định mức tính theo dân số được áp dụng cho:

- Chi phòng dịch: Chi cho các nhiệm vụ phòng chống dịch thường xuyên cấp Thành phố hàng năm, không bao gồm chi phòng chống dịch đột xuất.

- Chi hoạt động sự nghiệp y tế bao gồm: chi hoạt động nghiệp vụ thường xuyên, lập các dự án kêu gọi viện trợ, chi các chương trình y tế (phòng bệnh, khám và điều trị một số bệnh ngoại trú theo chỉ đạo của Bộ Y tế).

- Chi công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình: Chi cho công tác xây dựng, triển khai kế hoạch; tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động trong lĩnh vực dân số, kế hoạch hóa gia đình; quản lý về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số; kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm và các nhiệm vụ về tăng cường công tác

dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với cấp Thành phố theo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

c. Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập được để lại đơn vị sử dụng theo quy định. Trường hợp nguồn tài chính của đơn vị không đảm bảo hoạt động thường xuyên, được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, tiếp tục được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo quy định.

4. Chi sự nghiệp văn hoá, thể thao và du lịch

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Các hoạt động sự nghiệp văn hoá (*)	Đồng/người dân/năm	13.000
2	Các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao		
	Thể thao quần chúng	Đồng/người dân/năm	3.000
	Thể thao thành tích cao		Theo chế độ chi và đối tượng thực tế
3	Sự nghiệp du lịch		Theo Chương trình phát triển du lịch hàng năm

Trong đó:

(*) Định mức không bao gồm kinh phí thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; kinh phí duy trì cơ sở vật chất của Bảo tàng Hà Nội và Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ này được bố trí trên cơ sở dự toán hàng năm theo quy định.

5. Chi sự nghiệp thông tin và truyền thông

Dự toán chi được xây dựng hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ chi, định mức, đơn giá theo quy định hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách.

6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội thực hiện theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình được tính toán theo dự toán kinh phí do Thành phố đặt hàng với Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội hàng năm để thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

7. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Dự toán chi đảm bảo xã hội và các hoạt động xã hội được xây dựng hàng năm trên cơ sở đối tượng thực tế và chế độ chi theo quy định; đảm bảo kinh phí

hoạt động và chế độ chi nuôi dưỡng người có công, chi trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các Trung tâm, các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, chi thực hiện chương trình xây dựng nhà ở, xoá nhà dột nát cho người nghèo và các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội khác theo quy định.

8. Chi quốc phòng

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho quốc phòng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ quốc phòng của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp trình HĐND Thành phố quyết định.

9. Chi an ninh

Nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, phạm vi chi hỗ trợ của ngân sách Thành phố cho an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy của Thành phố, chế độ, chính sách chi và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố xác định mức phân bổ hợp lý phù hợp trình HĐND Thành phố quyết định.

10. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ được bố trí theo chỉ tiêu Trung ương giao, các nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học của Thành phố và khả năng cân đối ngân sách.

11. Chi sự nghiệp kinh tế

Dự toán chi hàng năm được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ chi, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá theo quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

12. Chi sự nghiệp môi trường

Việc xác định dự toán chi sự nghiệp môi trường hàng năm và trong thời kỳ ổn định của ngân sách Thành phố trên cơ sở:

- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố, tăng cường công tác thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để giảm chi ngân sách.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp, gồm:

- + Duy trì vệ sinh môi trường trên các đường cao tốc do Thành phố quản lý; quản lý, vận hành và duy trì các khu/nhà máy xử lý chất thải, bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, đất thải tập trung, các trạm trung chuyển chất thải do Thành phố đầu tư.

- + Sự nghiệp môi trường khác: theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường.

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách

Dự toán chi hàng năm được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể Thành phố giao, chế độ quy định và khả năng cân đối ngân sách.

14. Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất thành phố giao; chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định; chi sửa chữa lớn cơ sở vật chất

Đối với những nhiệm vụ chi này chưa xác định được định mức phân bổ chi ngân sách. Việc xác định dự toán các khoản chi này thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chi nghiệp vụ đặc thù, đột xuất thành phố giao hàng năm, hoặc đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị: được bố trí dự toán theo khối lượng nhiệm vụ được giao và chế độ chi tiêu theo quy định hiện hành.

- Chi mua sắm phương tiện và tài sản cố định dùng cho công tác chung (không bao gồm chi mua sắm trang thiết bị văn phòng cho cá nhân đã được bố trí trong định mức phân bổ quản lý hành chính): Dự toán được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn định mức, nhu cầu thực tế của đơn vị và khả năng cân đối ngân sách.

- Chi sửa chữa vừa và lớn tài sản cố định: Dự toán được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế hợp lý của đơn vị, các dự án được duyệt theo quy định và khả năng cân đối của ngân sách.

15. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Đối với các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác của đơn vị dự toán cấp 2 khối cơ quan hành chính.

II. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp quận, huyện, thị xã

1. Định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Cơ quan hành chính		
	Cơ quan hành chính thuộc quận, huyện, thị xã.	Đồng/biên chế /năm	50.000.000
II	Các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện, thị xã		
1	Hội Liên hiệp phụ nữ	Đồng/biên chế /năm	60.000.000
2	Hội Cựu Chiến binh	Đồng/biên chế /năm	60.000.000
3	Hội Nông dân	Đồng/biên chế /năm	60.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	Đồng/biên chế /năm	60.000.000
III	Các cơ quan điều hành chung		
1	Các cơ quan Đảng thuộc quận, huyện, thị ủy	Đồng/biên chế /năm	65.000.000
2	Văn phòng UBND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	65.000.000
3	Văn phòng HĐND quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	65.000.000
4	Ủy ban MTTQ quận, huyện, thị xã	Đồng/biên chế /năm	65.000.000

Trong đó:

a. Định mức phân bổ trên áp dụng cho khối các phòng, ban thuộc UBND quận, huyện, thị xã; cơ quan thuộc quận ủy, huyện ủy, thị ủy; Văn phòng HĐND, UBND quận, huyện, thị xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; được tính theo biên chế được giao.

b. Định mức phân bổ trên là cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Nội vụ hướng dẫn Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

c. Định mức phân bổ nêu trên đảm bảo kinh phí cho các nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra của ngành; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cải cách hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; trang phục ngành (không có tính chất đặc thù); kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể và kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên khác của bộ máy.

- Các khoản kinh phí mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh, cán bộ, công chức theo định mức máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến⁶ quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí duy tu, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản cố định.

d. Định mức phân bổ trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương⁷

- Các khoản chi: Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo phân cấp; thuê trụ sở; tổ chức đại hội, hội nghị ngành; hoạt động các Ban chỉ đạo, tổ công tác liên ngành; mua ô tô, sửa chữa vừa và sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo các Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt, các nhiệm vụ chi đặc thù phát sinh không thường xuyên và các khoản chi khác không thuộc định mức phân bổ quy định tại điểm c nêu trên.

e. Các hội có tính chất đặc thù được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi khác theo định mức của cơ quan hành chính và quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế.

f. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

g. Dự toán chi khác quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
			Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
I	Giáo dục			
1	Khối Mầm non	Đồng/học sinh /năm	7.500.000	1.800.000
2	Khối Tiểu học	Đồng/học sinh /năm	5.200.000	1.300.000

⁶ Quy định tại Mục I Phần A và Mục I Phần B Phụ lục số 03 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

⁷ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế; Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ..

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
			Định mức	Trong đó: Chi khác (tối thiểu)
3	Khối THCS	Đồng/học sinh /năm	7.200.000	1.700.000
4	Khối trường khuyết tật ⁸	Đồng/học sinh /năm	14.500.000	5.500.000
II	Đào tạo, dạy nghề			
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			
3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Đồng/người dân/năm	9.000	
III	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo chung		1,5% tổng chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	

Trong đó:

a. Trường hợp định mức không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác tối thiểu, ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn mức tối thiểu.

b. Đối với các trường học nằm trên địa bàn các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng, định mức phân bổ được tính tăng thêm 10% so với định mức nêu trên.

3. Chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Chi hoạt động sự nghiệp y tế		
-	Dân số, kế hoạch hóa gia đình (*)	Đồng/người dân/năm	4.000

⁸ Áp dụng đối với học sinh khuyết tật học tại các trường do quận, huyện, thị xã quản lý.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
-	Chi phòng bệnh, các hoạt động sự nghiệp y tế; phòng chống HIV/AIDS, vệ sinh an toàn thực phẩm	Đồng/người dân/năm	5.000

(*) Chưa bao gồm thù lao cho cộng tác viên dân số tại các thôn, tổ dân phố.

4. Chi sự nghiệp văn hoá, thể thao, du lịch

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Hoạt động sự nghiệp văn hoá (*)	Đồng/người dân /năm	9.000
3	Hoạt động sự nghiệp thể thao	Đồng/người dân /năm	6.000
4	Hoạt động sự nghiệp du lịch	Đồng/người dân /năm	2.500

(*) Đảm bảo một phần kinh phí cho công tác duy tu, duy trì các di tích theo quy định của Luật Di sản đối với các di tích theo phân cấp quản lý hiện hành và tăng cường kinh phí theo Chương trình số 04-Ctr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về phát triển văn hóa-xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2016 – 2020.

5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Hoạt động bộ máy của đài		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP
2	Hoạt động sự nghiệp phát thanh	Đồng/đài/năm	730.000.000

6. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Hoạt động bộ máy các đơn vị sự nghiệp		Thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ
2	Chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng xã hội		Tính theo thực tế đối tượng và chế độ chi
3	Các hoạt động xã hội	Đồng/người/năm	7.500
4	Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em (*)	Đồng/người/năm	1.500

Trong đó:

a. Định mức phân bổ kinh phí chi đảm bảo xã hội bao gồm kinh phí chi trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí cho các đối tượng⁹ và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định.

b. Định mức phân bổ kinh phí chi các hoạt động xã hội bao gồm kinh phí chi các hoạt động công tác xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; tổ chức hội nghị, chi khánh tiết; các ngày lễ, tết truyền thống; thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách xã hội; chế độ thăm viếng nghĩa trang, mộ liệt sỹ và các nhiệm vụ chi hoạt động xã hội khác theo quy định.

(*) Chưa bao gồm thù lao cho cộng tác viên dân số làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

7. Chi quốc phòng

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên: 13.000 đồng/người/năm (đã bao gồm kinh phí thực hiện

⁹ Áp dụng cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; các cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; các cựu thanh niên xung phong theo quy định tại Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; dân công hỏa tuyến theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ và tăng cường kinh phí theo Chương trình 05-Ctr/TU của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới).

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5; nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

8. Chi an ninh

- Định mức phân bổ ngân sách cho các quận, huyện, thị xã có số dân từ 200.000 người trở lên: 11.000 đồng/người/năm (đã bao gồm kinh phí thực hiện Pháp lệnh Công an xã, Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã, nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy theo quy định và tăng cường kinh phí theo Chương trình 05-Ctr/TU của Thành ủy về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới).

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân từ 150.000 đến dưới 200.000 người, định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,2. nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 200.000 dân.

- Đối với những quận, huyện, thị xã có số dân dưới 150.000 định mức phân bổ ngân sách được tính theo hệ số 1,5. nhưng tối đa không vượt quá định mức phân bổ của quận, huyện có dân số 150.000 dân.

9. Chi mua sắm phương tiện, tài sản cố định và sửa chữa lớn tài sản cố định

Bố trí tỷ lệ 3% tổng chi theo định mức các khoản chi thường xuyên của 08 lĩnh vực chi thường xuyên nêu trên.

10. Chi sự nghiệp kinh tế

Bố trí theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số chi thường xuyên của 09 lĩnh vực chi thường xuyên theo định mức nêu trên; trong đó, đối với các quận là 6%; đối với các huyện là 10%, thị xã Sơn Tây là 13%.

11. Chi sự nghiệp môi trường

a. Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

Được xác định trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được giao quản lý, duy trì, đơn giá do UBND Thành phố ban hành và kết quả đấu thầu tập trung lĩnh vực vệ sinh môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm kinh phí quản lý, vận hành và duy trì các khu tập kết rác thải sinh hoạt do các huyện, thị xã quản lý theo phân cấp (nếu có). Căn cứ quy mô, công suất thực tế và thời gian hoạt động của khu tập kết rác thải sinh hoạt, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chuyên ngành, ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã để thực hiện.

b. Sự nghiệp môi trường khác:

Định mức phân bổ giai đoạn 2017-2020 là 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường¹⁰.

Kinh phí sự nghiệp môi trường khác còn dư sau khi đã đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, được sử dụng để chi cho các hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

12. Chi thường xuyên khác của ngân sách

Bố trí bằng 1,5% tổng chi thường xuyên của 09 lĩnh vực (từ mục 01 đến mục 09 nêu trên) của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã.

13. Các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Đối với các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được áp dụng định mức phân bổ chi khác là 45.000.000 đồng.

14. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) các lĩnh vực tính theo định mức được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND quyết định theo khả năng cân đối ngân sách.

III. Định mức chi thường xuyên của ngân sách cấp xã

1. Định mức khoán chi ngân sách xã (để thực hiện chế độ tự chủ)

a. Đối tượng áp dụng:

Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã, gồm: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Ban Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự; Ban Công an (đối với xã), Ban Bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn).

- Đảng ủy cấp xã: Văn phòng Đảng ủy cấp xã và các Chi Bộ trực thuộc.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

¹⁰ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:

- a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;
- b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
- c) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;
- d) Hàng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;
- đ) Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;
- e) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;
- g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;
- h) Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- i) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

b. Nội dung định mức khoán chi ngân sách xã:

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán hàng năm (theo định mức khoán chi ngân sách xã), bao gồm:

b.1. Giao quỹ tiền lương theo biên chế: Thực hiện giao quỹ tiền lương theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố¹¹. Về chỉ tiêu biên chế để xác định giao quỹ tiền lương cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức cấp xã: Số lượng cán bộ, công chức được giao tại Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND thành phố, cụ thể: Xã, phường, thị trấn loại 1 tối đa 25 người; loại 2 tối đa 23 người; loại 3 tối đa 21 người. Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (tính theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/người/tháng).

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 18 chức danh được giao tại Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND thành phố, cụ thể: Xã, phường, thị trấn loại 1 tối đa không quá 22 người; loại 2 tối đa không quá 20 người; loại 3 tối đa không quá 19 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 07 chức danh được giao tại Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND Thành phố.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp và được hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định.

Căn cứ mức lương ngạch, bậc hoặc chức vụ; các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn) để xác định tổng quỹ tiền lương (mức lương cơ sở 1.210.000 đồng).

b.2. Định mức khoán chi hoạt động theo biên chế được duyệt:

- Tiêu thức để xác định mức khoán chi hoạt động thường xuyên (ngoài quỹ lương) theo biên chế được duyệt, gồm:

+ Cán bộ, công chức cấp xã (Xã, phường loại 1 tối đa 25 biên chế; loại 2 là 23 biên chế; loại 3 là 21 biên chế).

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Xã, phường loại 1 tối đa 22 biên chế; loại 2 là 20 biên chế; loại 3 là 19 biên chế).

- Toàn bộ chi phí quản lý hành chính nhà nước phục vụ công tác chuyên môn của các đơn vị xã (nêu trên) được xác định theo định mức khoán chi hoạt động thường xuyên theo chỉ tiêu biên chế (được cấp có thẩm quyền giao).

- Định mức khoán chi hoạt động:

+ Cán bộ, công chức cấp xã là 40 triệu/biên chế/năm.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 20 triệu/biên chế/năm.

¹¹ Quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ và Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 6/8/2013 của UBND thành phố).

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (Điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chính lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định 158/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền cấp xã.

2. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã

a. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã được tính giảm dần theo 07 bậc dân số, cụ thể như sau:

- (1) Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 200.000 đồng/người dân.
- (2) Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 160.000 đồng/người dân.
- (3) Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 120.000 đồng/người dân.
- (4) Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 60.000 đồng/người dân.
- (5) Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 50.000 đồng/người dân.
- (6) Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 40.000 đồng/người dân.
- (7) Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 20.000 đồng/dân.

Trường hợp chi thường xuyên khác của các xã, phường, thị trấn tính theo định mức nêu trên thấp hơn 1.000 triệu đồng thì được đảm bảo mức chi ngân sách tối thiểu là 1.000 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

b. Đối với các xã thuộc diện chương trình 135, xã miền núi và xã thuộc bãi giữa Sông Hồng được tính tăng thêm 15% so với định mức phân bổ nêu trên.

c. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ, Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ và Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã, phường (theo Quyết định số 99-QĐ/TW

ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương và Quyết định 1497-QĐ/TU ngày 16/11/2009 của Thành ủy Hà Nội); tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND cấp xã (theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016); kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã, phường, thị trấn; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, phường; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn, tổ dân phố; kinh phí trang bị phương tiện bảo vệ dân phố; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của cấp xã.

d. Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc.

3. Bổ sung ngoài định mức kinh phí trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc.

4. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018), định mức tính phân bổ nêu trên được xem xét, điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do UBND Thành phố trình HĐND quyết định theo khả năng cân đối ngân sách các cấp./.

PHU LUC SỐ 03:

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THÀNH
PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2016 của HĐND TP)

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI NSĐP				
I	CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG 100%				
1	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
1.1	Thuế tài nguyên từ DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài		100		
1.2	Thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ sản xuất			100	
2	Lệ phí môn bài				
2.1	Lệ phí môn bài thu từ DNNN; DN có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Thành phố.		100		
2.2	Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã,...)			100	
2.3	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh:				100
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
3.1	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, thị trấn				100
3.2	Thu từ các doanh nghiệp, tổ chức, nông trường, trạm, trại			100	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				100
5	Tiền sử dụng đất, sau khi đã trừ phần kinh phí ứng GPMB và đầu tư hạ tầng (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý)				
5.1	Tiền sử dụng đất các dự án di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ và tiền sử dụng đất theo cơ chế đặc thù (1)		100		
5.2	Đối với loại đất có quy mô diện tích từ 5000 m2 trở lên; hoặc đất dưới 5000 m2 tiếp giáp với đường, phố.				
a	Tiền sử dụng đất các dự án giao đất (ngoài dự án di dời theo theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg)				
	- Các huyện, thị xã: Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hoà, Chương Mỹ, Thường Tín, Phúc Thọ, Thanh Trì		40	60	
	- Các huyện, thị xã: Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Đan Phượng, Sơn Tây, Mê Linh		60	40	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
	- Các quận		70	30	
b	Tiền đầu giá quyền sử dụng đất và tiền đất khác				
	- Các huyện, thị xã			100	
	- Các quận		70	30	
5.3	Đối với loại đất có quy mô diện tích dưới 5000 m2 (nhỏ, lẻ, xen kẹt) không tiếp giáp với đường, phố và tiền đất khác			100	
6	Tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				
6.1	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của DN có vốn đầu tư nước ngoài		100		
6.2	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (không kể thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)			100	
7	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		100		
8	Lệ phí trước bạ				
8.1	Lệ phí trước bạ nhà đất				
	- Thu trên địa bàn xã, thị trấn				100
	- Thu trên địa bàn phường			70	30
8.2	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác				
	Quận Hoàn Kiếm		89	11	
	Quận Ba Đình		89	11	
	Quận Đống Đa		90	10	
	Quận Hai Bà Trưng		89	11	
	Quận Thanh Xuân		89	11	
	Quận Cầu Giấy		89	11	
	Quận Nam Từ Liêm		89	11	
	Quận Tây Hồ		68	32	
	Quận Hoàng Mai		72	28	
	Quận Long Biên		79	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại		65	35	
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán		100		

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
10	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố đại diện chủ sở hữu;		100		
11	Thu từ quỹ dự trữ tài chính của Thành phố		100		
12	Thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước				
	- Thành phố quản lý		100		
	- Cấp huyện quản lý			100	
	- Cấp xã quản lý				100
13	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, phường, thị trấn				100
14	Phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản)		100		
15	Phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường)				
	- Do Thành phố quản lý thu		100		
	- Do Quận, huyện, thị xã trực thuộc quản lý thu			100	
	- Do Xã, Phường, thị trấn quản lý thu				100
	(Riêng phí thắng cảnh giao UBND TP quyết định cụ thể, phù hợp để đầu tư, bảo vệ khu di tích và tổ chức lễ hội)				
16	Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định)				
	- Do cơ quan Trung ương thực hiện và quản lý	100			
	- Do cơ quan Thành phố thực hiện và quản lý		100		
	- Do cơ quan cấp huyện thực hiện và quản lý			100	
	- Do cấp xã, Phường, thị trấn xử thực hiện và quản lý				100

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật				
	- Do cơ quan Thành phố thực hiện		100		
	- Do cơ quan cấp huyện thực hiện			100	
	- Do cấp xã, Phường, thị trấn xử thực hiện				100
18	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;		100		
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				100
20	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;		100		
21	Tiền đền bù thiệt hại đất				
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc thành phố quản lý.		100		
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý.			100	
	- Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp xã quản lý.				100
22	Huy động đóng góp theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân.				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, Phường, thị trấn				100
23	Thu kết dư ngân sách				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, Phường, thị trấn				100
24	Thu khác ngân sách địa phương				
	- Thu khác ngân sách cấp Thành phố		100		
	- Thu khác ngân sách cấp huyện			100	
	- Thu khác xã, phường, thị trấn				100
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VỚI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				
1	Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)				

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
1.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
1.2	Thu từ DNNN Địa phương (không kể thuế GTGT từ hoạt động Xổ số kiến thiết)	65	35		
1.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	65	35		
1.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ thuế thu nhập từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí)				
2.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
2.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TNDN hoạt động Xổ số kiến thiết)	65	35		
2.3	Thu từ DN Đầu tư nước ngoài	65	35		
2.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể TTĐB hàng nhập khẩu)				
3.1	Thu từ DNNN Trung ương	65	35		
3.2	Thu từ DNNN Địa phương (Không kể thuế TTĐB từ hoạt động XSKT)	65	35		
3.3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	65	35		
3.4	Thu từ khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
4	Thuế thu nhập cá nhân				
4.1	Thuế thu nhập cá nhân nộp thông qua các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội	65	35		
4.2	Thuế thu nhập cá nhân giao quận, huyện, thị xã quản lý thu (không bao gồm của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu qua KBNN Hà Nội)				
	Quận Hoàn Kiếm	65	24	11	
	Quận Ba Đình	65	24	11	
	Quận Đống Đa	65	25	10	

ST T	Nội dung	NS Trung ương (%)	NS Thành phố (%)	NS quận huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
	Quận Hai Bà Trưng	65	24	11	
	Quận Thanh Xuân	65	24	11	
	Quận Cầu Giấy	65	24	11	
	Quận Nam Từ Liêm	65	24	11	
	Quận Tây Hồ	65	3	32	
	Quận Hoàng Mai	65	7	28	
	Quận Long Biên	65	14	21	
	Các quận, huyện, thị xã còn lại	65		35	
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu)	65	35		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, Phường, thị trấn				100
IV	Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau				
	- Thành phố		100		
	- Cấp huyện			100	
	- Xã, phường, thị trấn				100

(1) Tiền sử dụng đất quận Hoàng Mai theo cơ chế tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND Thành phố; tiền sử dụng đất quận Long Biên theo cơ chế tại văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 28/4/2016 của Thường trực HĐND Thành phố và văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố; Tiền đầu giá đất tại khu đô thị mới Cầu Giấy.